

Hải Dương, ngày 10 tháng 9 năm 2017

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo : Quản lý kinh tế
Mã số : 60340410
Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Hải Dương
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Hải Dương

1.1.1. Năm thành lập

Trường Đại học Hải Dương được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương, là Trường công lập trực thuộc tỉnh Hải Dương.

1.1.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Nhà trường có 313 người, trong đó: Giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, nghiên cứu sinh, học cao học là 280 người chiếm tỷ lệ 89% (*Giáo sư 01 (Công nghệ Thông tin), Phó giáo sư 03 (Kinh tế 02, Kỹ thuật CNTT 01), tiến sĩ 34 người chiếm tỷ lệ trên 10.86%; thạc sĩ 228 người chiếm tỷ lệ 72.84%; học cao học 18 người chiếm tỷ lệ 5.75%*). Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Ngoài ra Nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ PGS, tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ quan, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà trường được tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu... sát với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

1.1.4. Cơ sở vật chất

a) Về cơ sở vật chất:

- Tổng diện tích đất của Trường: 325.677 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường (bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại; thư viện, trung tâm học liệu; phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà đa năng, KTX...): 28.044m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng các công trình (phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng) là 1.991.5 m². Trong đó: Diện tích các phòng thực hành, phòng máy là 1,585.95m²; diện tích sử dụng chung (Phòng chờ giáo viên, hành lang, cầu thang, vệ sinh) là 405.5 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng (phòng học, thư viện, trung tâm học liệu) là 7,510.31m². Trong đó: Diện tích các phòng học, phòng đa phương tiện, thư viện là: 5,414.2m²; diện tích sử dụng chung của các công trình xây dựng (Hành lang, cầu thang, vệ sinh...) là 2,096.11 m².

b) *Về thư viện, giáo trình:*

Trung tâm Thông tin-Thư viện của Nhà trường với diện tích 232.5m² (03 phòng) bao gồm: Số chỗ ngồi đọc: 138 chỗ; Số máy tính của thư viện: 38 máy, Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử: 1905, Thư viện điện tử: Hệ thống Internet không dây phủ kín trong toàn trường; Hệ thống các bài giảng của giảng viên các học phần trong chương trình đào tạo đã được đăng tải vào thư viện điện tử của Nhà trường.

c) Ký túc xá sạch sẽ và khép kín tại Cơ sở Hải Tân: 30 phòng (810 m²); Nhà ăn tập thể tiện lợi - an toàn (360 m²); *Ký túc xá tại Cơ sở Liên Hồng nằm* trong Khu liên hợp thể thao, văn hoá, y tế, giáo dục của Tỉnh ở tiếp giáp cầu Lộ Cương về phía Nam, sát cạnh Trường diện tích quy hoạch 21 ha, 04 ngôi nhà 05 tầng.

1.1.5. Khen thưởng

Trong nhiều năm qua, ***Đảng bộ Nhà trường liên tục phấn đấu và đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh xuất sắc*** (2010-2015); năm 2016 được Tỉnh ủy tặng cờ thi đua xuất sắc; lãnh đạo cán bộ, giảng viên Trường Đại học Hải Dương luôn đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên ở nhiều lĩnh vực, có nhiều đề tài, sáng kiến, mô hình mới được áp dụng trong thực tiễn công tác giảng dạy. Bề dày về thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển đã đưa Nhà trường từ bậc Trung cấp lên Cao đẳng. Năm 2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ nâng cấp lên Đại học nay là Trường Đại học Hải Dương. Với thành tích đạt được, Nhà trường liên tục đạt danh hiệu "*Tập thể Lao động xuất sắc*" (từ năm 2009-2016). Năm 2011, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì; năm 2015 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Các năm học (2009 - 2010, 2011 - 2012, 2012 - 2013, 2015 - 2016) được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất

sắc. Bên cạnh đó, Trường còn được các Bộ, Ngành, cơ quan chức năng tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen các loại: Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Bộ Công an, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương,...Ngoài ra, các tập thể, cá nhân đã được Chính phủ, Bộ, ngành, tỉnh khen thưởng nhiều phần thưởng cao quý khác: Bằng khen, Bức trướng về thực hiện công tác Đảng của BCH Đảng bộ tỉnh Hải Dương, Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam, Công đoàn ngành GD cho hoạt động của Tổ chức Công đoàn, Cờ, Bằng khen của BCH TW Đoàn Thanh niên CS HCM; các tổ chức đoàn thể nhiều năm liên tục đều đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh xuất sắc và được cấp trên tặng thưởng danh hiệu cao quý...

1.2. Giới thiệu về Viện sau đại học và phát triển năng lực giảng viên, Trường Đại học Hải Dương

Viện sau đại học và phát triển năng lực giảng viên, Trường Đại học Hải Dương, với chức năng nhiệm vụ chủ yếu là: Quản lý đào tạo cao học và tham mưu hoạch định các chương trình, đề án, chính sách phát triển năng lực đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý của viện gồm 5 người, trong đó có 2 người trình độ tiến sĩ, 3 người thạc sĩ. Hiện nay đội ngũ giảng viên cơ hữu thuộc Viện sau đại học và phát triển năng lực giảng viên, để thực hiện nhiệm vụ đào tạo cao học ngành Quản lý kinh tế 34 người, trong đó: Phó giáo sư 02 người; Tiến sĩ 11 người; Thạc sĩ- NCS 07 người; Nghiên cứu sinh 02 người; Thạc sĩ 12 người.

1.3. Lý do đề nghị mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

Từ thực tế đào tạo 3 khóa cử nhân đại học ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, 02 khóa tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán mà Nhà trường đang triển khai, một khóa đào tạo thạc sĩ liên kết với trường Đại học Thương mại ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh và nhu cầu cấp thiết nguồn nhân lực có chuyên môn Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của địa phương. Trường Đại học Hải Dương, lập đề án đề nghị mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Việc mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ sẽ góp phần:

Thứ nhất, Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ các cán bộ nghiên cứu, làm việc chuyên ngành Quản lý kinh tế tại các trường đại học, cao đẳng, các sở, ban, ngành và các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh Hải Dương và các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;

Thứ hai, Đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu ngày càng cao của xã hội;

Thứ ba, Chuyển giao, phổ biến những thành tựu mới nhất về nguyên lý và thực tiễn quản lý kinh tế trong nghiên cứu cũng như trong giảng dạy và thực hành cho những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy và thực hành.

PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Trường Đại học Hải Dương đào tạo theo định hướng ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay Nhà trường đang đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ và 12 ngành học trình độ đại học, gồm các ngành Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Phát triển nông thôn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị văn phòng; Chính trị học; Tiếng Anh thương mại, Kỹ thuật điện, điện tử; Chăn nuôi - thú y; Công nghệ thông tin theo hình thức dài hạn và liên thông.

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Quy mô đào tạo của Nhà trường từ năm học 2007-2008 đến năm học 2014-2015, được tổng hợp qua Bảng 1.

Bảng 1: Quy mô đào tạo từ năm học 2007-2008 đến năm học 2015-2016

Năm học	Số HSSV	Trong đó							Ghi chú
		Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Nghề	Bồi dưỡng	Hợp tác ĐH	Cao học	
2007 – 2008	2428		1358	1070					Hình thức đào tạo dài hạn và liên thông
2008 – 2009	4448		2638	1510			300		
2009 – 2010	6504		3863	1841	250	50	500		
2010 – 2011	8314		4862	1658		700	1094		
2011 – 2012	6851	171	4559	938		800	383		
2012 – 2013	7163	1406	3566	438		800	953		
2013 – 2014	5117	2842	2158	117					
2014 – 2015	4427	3643	664	0				120	
2015 – 2016	3250	2920	80	0				250	

Qua số liệu bảng số 1 cho thấy: từ năm học 2010 - 2011 trở về trước, Nhà trường chỉ đào tạo trình độ cao đẳng và thấp hơn, với quy mô đào tạo tăng bình quân hàng năm là 50.73%.

Từ năm học 2011- 2012, Trường được nâng cấp thành trường đại học, Nhà trường bắt đầu đào tạo trình độ đại học, với năm học đầu tiên là năm học 2011 - 2012, quy mô đào tạo đại học là 171 sinh viên, đến năm học 2014 - 2015 quy mô đào tạo đại học là 3643 sinh viên, tăng 21,3 lần, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 2,77 lần.

Năm học 2014 - 2015, Nhà trường đã hợp tác với Trường Đại học Thương mại Hà Nội, đào tạo cao học ngành Kế toán, Tài chính-Ngân hàng và Quản trị kinh doanh quy mô đào tạo trên 100 học viên. Năm học 2015 - 2016, Nhà trường tuyển sinh và đào tạo khóa cao học đầu tiên ngành Kế toán với 50 học viên. Năm học 2016 - 2017 tuyển sinh và đào tạo 80 học viên. Đây là cơ hội thuận lợi để Nhà trường học tập kinh nghiệm đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành kinh tế nói chung, ngành Quản lý kinh tế nói riêng, là tiền đề để Nhà trường tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế cho những năm học tới khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo.

2.1.3. Số khóa và số sinh viên của ngành đăng ký đào tạo đã tốt nghiệp trình độ cử nhân đại học

Ngành Quản lý kinh tế trình độ đại học không có trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, do vậy Nhà trường tổng hợp số lượng sinh viên tốt nghiệp các khóa đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý Nhà trường đang tổ chức đào tạo, cụ thể trong Bảng 2

Bảng 2: Số lượng sinh viên đại học đã tốt nghiệp các khóa

TT	Ngành đào tạo đại học	Tốt nghiệp khóa 1 (SV) 2012-2014	Tốt nghiệp khóa 2 (SV) 2013-2015	Tốt nghiệp khóa 3 (SV) 2014-2016
1	Kế toán	389	466	603
2	Tài chính-Ngân hàng	65	103	123
3	Quản trị kinh doanh		19	55
4	Kinh tế			12
5	Quản trị văn phòng		9	13
Tổng			454	597

2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trình độ cử nhân có việc làm

Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp 2 năm 2015 và 2016 các ngành đào tạo trình độ đại học của Nhà trường cho thấy có trên 70% sinh viên có việc làm.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

2.2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1.	Phạm Đức Bình 1957- Hiệu trưởng	PGS 2014	TS. Việt Nam, 2008	Kế toán, kiểm toán và phân tích	2010-2014 ĐH Kinh tế Quốc dân	33	Quản lý nhà nước về kinh tế
2.	Chu Tiến Quang 1954-Giảng viên	PGS 2013	TS. Việt Nam, 2006	Kinh tế nông nghiệp	2014-2017 ĐH Lâm nghiệp	8	Phương pháp NCKH kinh tế
3.	Nguyễn Đình Tài 1950-Giảng viên	PGS 2004	TS. Việt Nam, 1985	Kinh tế, tài chính	2016-2017 Trường ĐHHĐ	13	Quản lý Tài chính - Tiền tệ
4.	Đỗ Thị Nhan 1963-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Kế toán	2016-2017 Trường ĐHHĐ	7	Phân tích Kinh tế - Tài chính
5.	Vũ Đức Lễ 1964-Phó hiệu trưởng		TS Việt Nam, 2017	Quản lý công		5	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực
6.	Nguyễn Thị Thúy Nga 1978-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2016	Tài chính - Ngân hàng		4	Quản lý thuế
7.	Nguyễn Thị Hương Lan		TS. Việt Nam- 2015	Quản lý Kinh tế		29	Kinh tế học nâng cao
8.	Nguyễn Việt Cường 1976-Phó trưởng khoa		TS. Trung Quốc, 2010	Quản lý Doanh nghiệp		3	Quản trị doanh nghiệp
9.	Phan Thanh Tú 1980-Giảng viên		TS. CH Pháp, 2010	Khoa học quản lý		15	Khoa học quản lý
10.	Nguyễn Thông Thái 1951-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2003	Marketing		3	Quản lý thương mại quốc tế

11.	Hà Bạch Đằng 1952-Giảng viên		TS. Liên Xô cũ, 1980	Kế toán Doanh nghiệp		5	Quản lý tài sản công
12.	Nguyễn Tiến Hóa 1953- Giảng viên		TSKH. Hoa kỳ, 2008	Khoa học Kinh tế		3	Quản lý dự án đầu tư
13.	TS. Vũ Quang Vinh		TS. Việt Nam, 2003	Luật học		11	Luật Kinh tế
14.	Tô Văn Sông 1967-Trưởng khoa		TS. Việt Nam, 2013	Triết học	2016-2017 Trường ĐHHĐ	7	Triết học
15.	Nguyễn Thị Thu Hà 1976-Viện trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục		6	Kinh tế lượng ứng dụng
16.	Nguyễn Thị Đào 1975-Trưởng khoa		TS Việt nam, 2017	Kế toán, kiểm toán và phân tích			Tài chính tiền tệ
17.	Nguyễn Phương Ngọc 1977-Phó trưởng phòng		TS. Việt Nam, 2016	Kế toán		2	Quản lý tài chính công
18.	Tạ Thị Minh Lý 1956-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học		15	Tâm lý học lãnh đạo quản lý
19.	Ngô Mạnh Toan 1955-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học		12	Quản lý khoa học và công nghệ
20.	Nguyễn Đình Bộ 1970, Giảng viên		TS Việt Nam 2012	Nông nghiệp			Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn
21.	Phan Thị Hiền 1982-Phó trưởng khoa		ThS Việt nam, 2010	Tiếng Anh			Tiếng Anh
22.	Đặng Thu Trang 1977-Phó trưởng khoa		ThS Việt nam, 2010	Tiếng Anh			Tiếng Anh

2.2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phân tích thực cơ sở ngành, chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
I. Giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ						
1	Chu Tiến Quang 1954-Giảng viên	PGS 2013	TS. Việt Nam, 2096	Kinh tế nông nghiệp	2014-2017 ĐH Lâm nghiệp	8
2	Vũ Đức Lễ 1964-Phó hiệu trưởng		TS Việt Nam, 2017	Quản lý công		5
3	Nguyễn Thị Hương Lan		TS. Việt Nam- 2015	Quản lý Kinh tế		29
4	Nguyễn Việt Cường 1976-Phó trưởng khoa		TS. Trung Quốc, 2010	Quản lý Doanh nghiệp		3
5	Phan Thanh Tú 1980-Giảng viên		TS. CH Pháp, 2010	Khoa học quản lý		15
6	Nguyễn Thông Thái 1951-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2003	Marketing		3
II. Giảng viên, nhà khoa học cơ hữu giảng dạy lý thuyết phân tích thực cơ sở ngành, chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ						
1	Phạm Đức Bình 1957- Hiệu trưởng	PGS 2014	TS. Việt Nam, 2008	Kế toán, kiểm toán và phân tích	2010-2014 Trường ĐH KTQD	33
2	Đỗ Thị Nhan 1963-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Kế toán	2016-2017 Trường ĐHHĐ	7
3	Nguyễn Thị Thủy Nga 1978-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2016	Tài chính - Ngân hàng		4
4	Nguyễn Đình Tài 1950-Giảng viên	PGS 2004	TS. Việt Nam, 1985	Kinh tế, tài chính	2016-2017 Trường ĐHHĐ	13

5	Hà Bạch Đằng 1952-Giảng viên		TS. Liên Xô cũ, 1980	Kế toán Doanh nghiệp		5
6	Nguyễn Tiên Hóa 1953-Giảng viên		TSKH. Hoa kỳ, 2008	Khoa học Kinh tế		3
7	TS. Vũ Quang Vinh		TS. Việt Nam, 2003	Luật học		11
8	Nguyễn Thị Thu Hà 1976-Viện trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục		6
9	Nguyễn Thị Đào 1975-Trưởng khoa		TS Việt nam, 2017	Kế toán, kiểm toán và phân tích		
10	Nguyễn Phương Ngọc 1977-Phó trưởng phòng		TS. Việt Nam, 2016	Kế toán		2
11	Tạ Thị Minh Lý 1956-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học		15
12	Ngô Mạnh Toan 1955-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học		12
13	Nguyễn Đình Bộ 1970, Giảng viên		TS Việt Nam	Nông nghiệp		

2.2.3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phân tích thức cơ sở ngành, chuyên ngành Kế toán trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
I. Giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành Kế toán trình độ thạc sĩ						
1	Phạm Đức Bình 1957- Hiệu trưởng	PGS 2014	TS. Việt Nam, 2008	Kế toán, kiểm toán và phân tích	2010-2014 Trường ĐH KTQD	33
2	Đỗ Thị Nhan 1963-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Kế toán	2016-2017 Trường ĐHHĐ	7

3	Nguyễn Thị Thúy Nga 1978-Phó hiệu trưởng		TS. Việt Nam, 2016	Tài chính - Ngân hàng		4
4	Hà Bạch Đằng 1952-Giảng viên		TS. Liên Xô cũ, 1980	Kế toán Doanh nghiệp		5
5	Nguyễn Thị Đào 1975-Trưởng khoa		TS Việt nam, 2017	Kế toán, kiểm toán và phân tích		
6	Nguyễn Phương Ngọc 1977-Phó trưởng phòng		TS. Việt Nam, 2016	Kế toán		2
II. Giảng viên, nhà khoa học cơ hữu giảng dạy lý thuyết phân kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành ngành Kế toán trình độ thạc sĩ						
1	Nguyễn Đình Tài 1950-Giảng viên	PGS 2004	TS. Việt Nam, 1985	Kinh tế, tài chính	2016-2017 Trường ĐHHĐ	13
2	Vũ Đức Lễ 1964-Phó hiệu trưởng		TS Việt Nam, 2017	Quản lý công		5
3	Nguyễn Thị Hương Lan 1976-Giảng viên		TS. Việt Nam- 2015	Quản lý Kinh tế		29
4	Nguyễn Việt Cường 1976-Giảng viên		TS. Trung Quốc, 2010	Quản lý Doanh nghiệp		3
5	Phan Thanh Tú 1980-Giảng viên		TS. CH Pháp, 2010	Khoa học quản lý		15
6	Nguyễn Tiến Hóa 1953- Giảng viên		TSKH. Hoa kỳ, 2008	Khoa học Kinh tế		3
7	TS. Vũ Quang Vinh		TS. Việt Nam, 2003	Luật học		11

8	Nguyễn Thị Thu Hà 1976-Viện trưởng		TS. Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục	6
9	Nguyễn Thông Thái 1951-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2003	Marketing	3
10	Tạ Thị Minh Lý 1956-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học	15
11	Ngô Mạnh Toan 1955-Giảng viên		TS. Việt Nam, 2008	Luật học	12
12	Nguyễn Đình Bộ 1970, Giảng viên		TS Việt Nam	Nông nghiệp	

2.2.4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Phan Nhật Thanh, 1980, Trưởng phòng Sở KH&ĐT tỉnh HD		Tiến sĩ, Việt nam 2011	Kinh tế công nghiệp		
2	Nguyễn Văn Phú, 1970, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương		Tiến sĩ, Việt nam 2010	Kinh tế		
3	Lê Đình Sơn, 1962,		Tiến sĩ, Việt nam 2002	Nông nghiệp		
4	Nguyễn Đình Bộ, 1970, Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Hải Dương		Tiến sĩ, Việt nam 2010	Quản lý đất đai		

2.2.5. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành
1	Nguyễn Thị Thu Hà, 1976, Viện trưởng Viện sau đại học	TS. Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục
2	Nguyễn Thị Thương, 1977 Phó Viện trưởng Viện SDH	ThS. Việt Nam, 2017	Văn học
3	Trần Thị Minh Hiền, 1989 Phó Viện trưởng Viện SDH	ThS. Việt Nam, 2015	Quản trị KD
4	Nguyễn Thị Lan Phương, 1988 Chuyên viên Viện SDH	ThS. Việt Nam, 2013	Quản trị DN
5	Phạm Văn Lượng, 1985 Chuyên viên Viện SDH	TS. Bỉ, 2017	Điện tử viễn thông

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ đào tạo

T T	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học lý thuyết	63	4408	- Bàn ghế - Máy chiếu, - Màn hình tinh thể lỏng 42 ÷ 60 inch - Micro, âm ly - Quạt trần - Điều hòa nhiệt độ	2480 50 29 63 341 28	Các học phần học lý thuyết
2	Phòng vi tính	03	480	- Máy vi tính - Quạt trần - Máy chiếu	268 28 8	Thực hành/thảo luận
3	Phòng thi, kiểm tra	16	960	- Camera - Bàn ghế - Quạt trần	48 480 64	Thi, kiểm tra học kỳ, tốt nghiệp bảo vệ luận văn
4	GD trung tâm + GD đa năng	02	773	- Bàn ghế - Quạt trần - Quạt treo tường - Quạt hơi nước - Bộ âm thanh - Điều hòa nhiệt độ (cây) - Điều hòa tường - Máy chiếu - Màn hình TT lỏng 60 inch	700 76 44 04 10 10 03 06 04	Hội thảo, ngoại khóa
5	Phòng lớp	03	60	- Ca bin - Quạt trần - Điều hòa nhiệt độ (cây) - Máy chiếu - Micro, âm ly	36 8 02 01 01	Học ngoại ngữ tiếng Anh

Ghi chú: Toàn bộ các trang thiết bị trên đều đang sử dụng tốt.

3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

3.2.1. Thư viện

- Diện tích thư viện: 232.5m² (2 phòng), trong đó:
- + Diện tích phòng đọc: 232.5m² (2 phòng)
- + Số chỗ ngồi: 138 chỗ
- Số lượng máy vi tính phục vụ tra cứu: 38 máy.
- Thư viện điện tử: Hệ thống Internet phủ kín trong toàn trường.
- Số lượng đầu sách các loại: 1438
- Số lượng bản sách các loại: 46712 cuốn

3.2.2. Danh mục giáo trình, sách tham khảo của ngành Quản lý kinh tế đang

ký đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1.	GT Triết học (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh các ngành khoa học xã hội và nhân văn)	NXB Chính trị quốc gia - 2014	50	Triết học
2.	Sức sống của CN Mác - LN trong thời đại ngày nay	NXB Chính trị quốc gia - 2014	50	
3.	Những vấn đề cơ bản và cấp bách của Triết học Mácxit	NXB Chính trị quốc gia - 2014	50	
4.	Mối quan hệ con người - tự nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay	NXB Chính trị quốc gia - 2013	50	
5.	Face to face, Pre-intermediate student's book	Cambridge: CUP 2008	50	Tiếng Anh
6.	Face to face, Pre-intermediate workbook	Cambridge: Cambridge University Press-2008	50	
7.	Understanding and using English grammar	Prentice Hall Regents-1985	50	
8.	Practical English usage	Cambridge: CUP 1995	50	
9.	English grammar in use	Cambridge: CUP 1995	50	
10.	New Interchange – English for international communication, Student's Book 1	Cambridge: CUP 2005	50	
11.	New Interchange – English for international communication, Student's	Cambridge: CUP 2005	50	

	Book 2			
12.	GT Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế và quản trị	NXB Đại học Quốc Gia- TPHCM- 2014	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế
13.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Thiết kế và thực hiện	NXB Lao động - Xã hội -2011	50	
14.	Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học	NXB Đại học Ngoại Thương -2013	50	
15.	GT Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị KD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân - 2014		
16.	GT Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	NXB Tài Chính - 2014	50	
17.	Giáo trình Kinh tế	NXB Trường Đại học Kinh tế TP.HCM 2014	50	Kinh tế học nâng cao
18.	Kinh tế học vĩ mô - DAVID BEGG	NXB Thống kê-2012	50	
19.	Kinh tế vĩ mô-bài tập và đáp án (dành cho sinh viên đại học cao học, MBA)	NXB Phương Đông-2012	50	
20.	Kinh tế học tập 2	NXB Thống Kê-2012	50	
21.	Giáo trình Khoa học quản lý	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội- 2013	50	Khoa học quản lý
22.	Khoa học quản lý	NXB TTTT - 2014	50	
23.	Giáo trình Khoa học quản lý	NXB Tài chính - 2008	50	
24.	Giáo trình Kinh tế công cộng	NXB ĐHKQTĐ - 2012	50	Kinh tế học công cộng
25.	Giáo trình Kinh tế công cộng	NXB Tài chính - 2013	50	
26.	GT Kinh tế học quốc tế	NXB Thống Kê -2012	50	Kinh tế quốc tế
27.	GT Kinh tế quốc tế	NXB KTQD- 2013	50	
28.	Kinh tế quốc tế.	NXB Giáo dục -2012	50	
29.	Chiến lược kinh doanh QT	NXB KHKT -2012	50	
30.	Kinh tế phát triển - căn bản và nâng cao	NXB Kinh tế TP. HCM - 2010	50	Kinh tế phát triển
31.	Kinh tế phát triển	NXB Đại học Kinh tế TP.HCM-2010	50	
32.	Giáo trình kinh tế phát triển	NXB ĐHKQTĐ- 2013	50	
33.	Giáo trình kinh tế phát triển	NXB Tài chính - 2014	50	
34.	Giáo trình Kinh tế đầu tư	NXB ĐHKQTĐ -2013	50	

35.	Giáo trình Lập dự án đầu tư	NXB ĐHKQTĐ -2013	50	tư
36.	GT Lập và quản lý dự án ĐT	NXB Thống kê,-2000	50	
37.	Giáo trình Kinh tế lượng	NXB ĐHKQTĐ -2013	50	Kinh tế lượng ứng dụng
38.	Giáo trình Kinh tế lượng	NXB Thông tin và Truyền thông - 2010	50	
39.	Giáo trình Kinh tế lượng	NXB Tài chính - 2009	5	
40.	Giáo trình Tài chính- tiền tệ	NXB Tài chính -2012	50	Tài chính- tiền tệ
41.	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	NXB ĐHKQTĐ - 2012		
42.	GT Mô hình tăng trưởng kinh tế (chương trình SDH)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân -2010	50	
43.	Giáo trình Lý thuyết tài chính -tiền tệ	NXB Thống kê - 2013		
44.	Giáo trình Pháp luật kinh tế	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân -2014	50	Luật kinh tế
45.	Giáo trình Luật Kinh tế	NXB Công an Nhân dân -2015	50	
46.	Giáo trình Quản trị học	NXB ĐHKQTĐ -2014	50	Quản trị học
47.	Giáo trình Ra quyết định quản trị	NXB, Đại học Quốc gia Hà Nội- 2013	50	
48.	Giáo trình Quản trị học	NXB ĐHKQTĐ -2008	50	
49.	Ra quyết định quản trị	NXB ĐHQG- 2016	50	
50.	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế	NXB Lao Động - Xã hội- 2005	50	Quản lý nhà nước về kinh tế
51.	Quản lý nhà nước về kinh tế	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội-2015	50	
52.	Giáo trình Quản lý nhà nước về Kinh tế	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân- 2010	50	
53.	GT Quản lý dự án đầu tư	NXB ĐHKQTĐ - 2014	50	Quản lý dự án đầu tư
54.	Quản lý DA bằng sơ đồ mạng	NXB Xây dựng-2012	50	
55.	Quản trị xây dựng	NXB ĐHKQTĐ - 2010	50	
56.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân -2013	50	Quản trị doanh nghiệp
57.	GT Quản trị doanh nghiệp	NXB Thống kê - 2012	50	
58.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	NXB Trường ĐH công nghiệp TP. HCM-2012	50	

59.	Luật doanh nghiệp	NXB Tài chính - 2015	50	
60.	GT Quản lý tài chính công	NXB Tài chính - 2016	50	Quản lý tài chính công
61.	GT Quản lý tài chính công	NXB Tài chính - 2009	50	
62.	Giáo trình Tài chính công và công sản	NXB Học viện hành chính- 2011	50	
63.	Phân tích tài chính doanh nghiệp	NXB Thống kê - 2010	50	Phân tích Kinh tế - Tài chính
64.	GT Phân tích tài chính	NXB HVTC - 2006	50	
65.	Phân tích báo cáo tài chính	NXB ĐHKQTĐ -2011	50	
66.	Phân tích báo cáo tài chính	NXB Tài chính - 2016	50	
67.	GT Phân tích báo cáo TC	NXB ĐHKQTĐ - 2014	50	
68.	Phân tích báo cáo tài chính hướng dẫn thực hành	NXB Kinh tế TP.HCM - 2013	50	
69.	Giáo trình Tài chính tiền tệ	NXB Tài chính- 2011	50	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ
70.	Giáo trình Quản lý thuế	NXB Tài chính - 2010	50	Quản lý thuế
71.	Giáo trình Quản lý thuế	NXB ĐHKQTĐ -2012	50	
72.	Giáo trình Thuế	NXB Tài chính- 2014	50	
73.	Giáo trình Kế toán thuế và báo cáo thuế	NXB Lao động - Xã hội 2014	50	
74.	Câu hỏi và bài tập môn thuế	NXB HVTC - 2013	50	
75.	Những quy định mới về luật quản lý sử dụng tài sản NN	NXB Tài chính - 2016	50	Quản lý tài sản công
76.	Luật NSNN số 01/2002/QH 11 ngày 16/12/2002;	NXB Kinh Tế TP. HCM -2013	50	
77.	Luật kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17/6/2003;	NXB Tài chính -2013	50	
78.	Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008;	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân -2012	50	
79.	Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 về việc	NXB Phương Đông - 2012	50	

	quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;			
80.	Quản trị nhân lực	NXB LĐXH - 2014	50	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực
81.	Quản trị nhân lực	NXB ĐHKQTĐ - 2013	50	
82.	Quản trị nhân lực	NXB ĐHKQTĐ - 2012	50	
83.	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	NXB Kinh tế TP.HCM - 2016	50	
84.	Giáo trình An sinh xã hội	NXB ĐHKQTĐ - 2008	50	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo
85.	Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội	NXB Lao động - Xã hội- 2008	50	
86.	Giáo trình Lập và quản lý dự án phát triển nông nghiệp	NXB Nông nghiệp - 2007	50	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn
87.	Giáo trình Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2004	50	
88.	GT Phát triển nông thôn	NXB ĐHNN - 2005	50	
89.	Giáo trình Năng lượng và quản lý năng lượng	NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM -	50	Quản lý năng lượng và môi trường
90.	Giáo trình Quản lý công nghệ	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân - 2014	50	Quản lý khoa học và công nghệ
91.	Giáo trình Cao học quản trị kinh doanh quốc tế	NXB Tổng hợp TPHCM -2012	50	Quản lý thương mại quốc tế
92.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	NXB Tài chính - 2011	50	
93.	Đề cương bài giảng Tâm lý học lãnh đạo - quản lý	NXB Học viện HCQG gia HCM - 2009	50	Tâm lý học lãnh đạo quản lý
94.	GT Tâm lý học quản lý	Nxb ĐHSP - 2011	50	
95.	Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo	NXB Chính trị Quốc gia - 2003	50	

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, đề tài luận văn, luận án

2.4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ do Trường Đại học Hải Dương thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu
1.	Nghiên cứu chính sách, giải pháp thúc đẩy chuyển dịch lao động nông thôn Việt nam	PGS.TS. Chu Tiến Quang	Đề tài cấp Bộ	2012
2.	Giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm tiên gửi ở Việt Nam hiện nay	TS Nguyễn Thị Hương Lan	Cấp Trường (Trường Đại học Đại Nam)	2015
3.	Báo cáo đánh giá chất lượng Trường Đại học Đại Nam, Tiêu chuẩn 6	TS Nguyễn Thị Hương Lan	Cấp Trường (Trường Đại học Đại Nam)	2016
4.	Tổng kết lịch sử công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975	TS Vũ Quang Vinh	Cấp cơ sở	2014
5.	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ	TS Vũ Quang Vinh	Cấp cơ sở	2013
6.	Cải tiến hệ thống quản lý của các Đơn vị thuộc PTSC hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực cảng biển (PTSC Đình Vũ, PTSC Phú Mỹ, PTSC Sypply Base, PTSC Quảng Ngãi). Thuộc gói thầu: Đánh giá, tư vấn các giải pháp nâng cao năng lực quản lý và khai thác cảng biển của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	TS Phan Thanh Tú	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) (Hợp đồng tư vấn doanh nghiệp)	2015 - 2016
7.	Nghiên cứu khả năng thích ứng giữa hệ thống cảng biển và dịch vụ logistics tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với năng lực sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa vùng, khu kinh tế và tiềm năng tiêu thụ hàng NK của các điểm đến tiêu dung	TS Phan Thanh Tú	Sở Công Thương Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Cấp tỉnh)	2015 - 2016
8.	Nghiên cứu năng lực hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 2015	TS Phan Thanh Tú	Sở CT Bà Rịa - Vũng Tàu (cấp tỉnh)	2015 - 2016
9.	Nghiên cứu phát triển năng lực đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ giai đoạn 2012-2020 của Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương trong đó chủ yếu các ngành Kế toán-Kiểm toán và Ngân hàng-Tài chính)	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp tỉnh	2012 - 2013
10.	Đổi mới phương pháp giảng dạy ngành kế toán	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2013

11.	Giải pháp sử dụng hệ thống mạng nội bộ vào giảng dạy học phần Kế toán máy	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2013
12.	Thiết kế mô hình kiểm tra- kiểm soát kế toán doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2013
13.	Hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán các khoản mục xã hội hóa để phát triển Trường Đại học Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2013
14.	Phát triển năng lực giảng viên ngành Kế toán Trường Đại học Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2013
15.	Hoàn thiện công tác tổ chức đào tạo ngành kế toán theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2014
16.	Xây dựng mô hình trường đại học điện tử và áp dụng đào tạo ngành Kế toán tại Trường Đại học Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2014
17.	Phương thức vay và hạch toán kế toán vốn ODA tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Cấp trường	2012 - 2013
18.	Nâng cao HQ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trên địa bàn tỉnh HD	TS. Hà Bạch Đằng	Cấp tỉnh	2009-2013
19.	Nghiên cứu, sưu tầm và biên soạn Địa chỉ Thành phố Hải Dương	TS. Hà Bạch Đằng	Cấp tỉnh	2012-2013
20.	Đánh giá kết quả đôn điền, đổi thửa và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ đôn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2015 - 2020	TS. Tô Văn Sông	Cấp tỉnh	2014
21.	Cơ chế, chính sách đẩy mạnh áp dụng mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Thủy Nga	Cấp bộ	2014

2.4.2. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1.	Một số quan điểm và định hướng giải pháp thúc đẩy HTX nông nghiệp chuyển đổi về tổ chức và hoạt động hiệu quả theo luật HTX năm 2012 phục vụ xây dựng NTM	Chu Tiến Quang, đồng tác giả	Tạp chí Khoa học phát triển-Hội KHPTNT Việt Nam số 30/2016
2.	Những thách thức đối với ngành NN Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và định hướng điều chỉnh chính sách	Chu Tiến Quang	Tạp chí Quản lý kinh tế- Viện NCQLKTTW năm 2015
3.	Giáo trình xây dựng, phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn	Chu Tiến Quang	Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội 2013
4.	Vấn đề và giải pháp đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam	Chu Tiến Quang	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2012
5.	Vai trò và giải pháp nâng cao vai trò của HTX trong nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam	Chu Tiến Quang	Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội 2012

6.	Chính sách tín dụng thương mại phục vụ sản xuất, kinh doanh nông thôn Việt Nam	Chu Tiến Quang	Tạp chí Cộng sản năm 2012
7.	Risks from M&A between Commercial Banks and Financial Companies in Vietnam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Annual Vietnam Academic Research Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences, 2016, Hanoi, Vietnam
8.	Thực trạng kinh doanh của khối công ty tài chính cổ phần có vốn góp của các tập đoàn/tổng công ty ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, 4/2016
9.	Đổi mới giảng dạy song hành với đổi mới nghiên cứu khoa học tại Trường ĐH Đại Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học cấp Bộ “Đổi mới giảng dạy theo định hướng năng lực người học”, 5/2015, Đại học Đại Nam chủ trì
10.	Nâng cao chất lượng cổ phiếu niêm yết của Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học cấp Bộ “Giải nâng cao hiệu quả KD của các DN trong quá trình tái cơ cấu”, 10/2012, ĐH Đại Nam chủ trì
11.	Giải pháp tăng vốn đối với các công ty chứng khoán	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam, 2014
12.	Nâng cao chất lượng cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam, 2013
13.	Hoàn thiện cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Số 1, 5/2016
14.	Sáp nhập doanh nghiệp trước sức ép cạnh tranh và hội nhập	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Số 1, 6/2016
15.	Cách khắc phục điểm yếu của công ty tài chính có vốn góp từ tập đoàn, tổng công ty nhà nước	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Dự báo và Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 18, tháng 9/2015
16.	Cơ hội và thách thức đối với kinh doanh tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán, Học viện Tài chính, số 09 (146), 2015
17.	Sinh viên đầu tư chứng khoán: Học đi đôi với hành	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Dự báo và Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số chuyên đề 6/2015
18.	Thực trạng phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam hiện nay	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, số 6 (118) - 2015

19.	Bàn về vấn đề nâng cao năng lực tài chính đối với Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Tạp chí Kế toán, Kiểm toán, Hội Kế toán, Kiểm toán Việt Nam, số 143, 2015
20.	Giáo trình Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Phạm Đức Bình	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2014
21.	Giáo trình Kiểm toán tài chính	PGS.TS. Phạm Đức Bình	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2014
22.	Lý luận và thực tiễn công tác Kiểm tra - Kiểm soát cấp tính trong lĩnh vực Kinh tế - tài chính ở VN	PGS.TS. Phạm Đức Bình	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2014
23.	Lý thuyết về quản trị nhân sự	PGS.TS. Phạm Đức Bình	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2014
24.	Tăng cường kiểm soát nhà nước đối với hoạt động chuyển giá trong doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế ở Việt Nam	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Giáo dục Việt Nam, năm 2014
25.	Giáo trình Kiểm toán tài chính	PGS.TS. Phạm Đức Bình	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2014
26.	Улучшение системы проверок и надзора в финансовом секторе экономики вьетнама экспериментальное исследование в провинции хау зьонг	PGS.TS. Phạm Đức Bình	научный и общественно - публицистический журнал, № 2(70), ст 66-75 (2014)
27.	Tangible Fixed Assets Accounting System for Enterprise in Vietnam	PGS.TS. Phạm Đức Bình	International Journal of Economics and Finance, Vol. 6, pp 30-37 (2014)
28.	Provincial Monitoring and Control System in Vietnam: Case Study of Hai Duong Province	PGS.TS. Phạm Đức Bình	International Journal of Economics and Finance, Vol. 4, pp 220-227 (2014)
29.	Hệ thống kiểm soát nội bộ thu chi tài chính - Thực nghiệm tại Trường Đại học Hải Dương	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Kinh tế & phát triển, số 202(II), tr 93-102 (2014)
30.	Bàn về Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Kinh tế & phát triển, số 203, tr 73-76 (2014)
31.	Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng trong mô hình công ty mẹ con ở Việt Nam	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Kinh tế & phát triển, số Đặc biệt, tr 15-19 (2013)
32.	Hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Kinh tế & phát triển, số 196(II), tr 64-69 (2013)
33.	Cạnh tranh và chất lượng giáo dục đại học trong kinh tế thị trường	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Khoa học Thương mại, số 53+54, tr 120-127 (2013)
34.	Kiểm toán nhà nước Lào với phát triển kinh tế trong giai đoạn hội nhập	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng, số 142, tr 63-66 (2014)

35.	Kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng tài nguyên với phát triển bền vững ở Việt Nam	PGS.TS. Phạm Đức Bình	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 5, tr 26-27,33 (2014)
36.	Chỉ tiêu phân tích hiệu quả tài chính giáo dục Đại học, Cao đẳng công lập ở Việt nam	TS. Đỗ Thị Nhan	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán - Học viện Tài chính, số 2/2013, tr21-23
37.	Đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển các trường ĐH, CĐ công lập trên địa bàn tỉnh HD	TS. Đỗ Thị Nhan	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán - Học viện Tài chính, số 3/2014, tr 23-25
38.	Luật Doanh nghiệp: Những quy định cần sửa đổi	PGS.TS.Nguyễn Đình Tài	Tạp chí Tài chính, số 9(599)2014
39.	Định hướng và tiêu chí cấu trúc tập đoàn kinh tế nhà nước	PGS.TS.Nguyễn Đình Tài	Tạp chí Tài chính, số 11(589)2013
40.	Mô hình nào cho cụm liên kết ngành ở Việt Nam?	PGS.TS.Nguyễn Đình Tài	Tạp chí Tài chính, số 04(582)2013
41.	Chống chuyển giá đối với các doanh nghiệp FDI	PGS.TS.Nguyễn Đình Tài	Tạp chí “Kinh tế và Dự báo”, Số (541) Tháng 3/2013
42.	Hình thành và phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam	PGS.TS.Nguyễn Đình Tài	Hội thảo: Phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam- ĐH KTQD Hà Nội, 12/2014
43.	Transactional and institutional alignment of entry modes in transition economies. A survival analysis of joint ventures and wholly owned subsidiaries in Vietnam	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	International Business Review Volume 25, Issue 4, August 2016, Pages 946-959. Top ISI in Management
44.	Chính sách thương mại quốc tế: Lý luận và thực tiễn Việt Nam hội nhập toàn cầu	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Sách chuyên khảo, NXB Thống Kế
45.	Working Capital Management and Firm Profitability During a Period of Financial Crisis: Empirical Study in Emerging Country of Vietnam	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Advances in Social Sciences Research Journal, Vol.3, No.3, p. 155-168, 2016
46.	Chiến lược doanh nghiệp: Từ nguồn gốc lịch sử quân sự đến xu thế quản trị chiến lược nguồn nhân lực	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Sách chuyên khảo, NXB Thống kê, 2015
47.	Marketing nhân sự: Lý luận và thực tiễn áp dụng tại các doanh nghiệp Việt Nam	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	NXB Thống Kế-2014
48.	Câu trúc sở hữu các doanh nghiệp cổ phần: Ai thực sự là chủ doanh nghiệp?	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học Thương mại, số 66, trang 3-14, 2014
49.	Asymmetric Information in Vietnamese Enterprises: Nature, Cause and Consequence	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Asian Journal of Business Management, 6(1): 18-24, 2014
50.	Survie des PME pendant la période de crise économique: Etude empirique au Vietnam	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	International conference “SME Financing and Governance”, ESDES, Lyon, France, September 24th and 25th, 2013
51.	Survie de la joint-venture internationale: Étude empirique au Vietnam	TS. Phan Thanh Tú	Editions universitaires européennes, 416 trang, ISBN-13: 978-3-8417-9468-0 ; ISBN-

			10: 3841794688 ; EAN: 9783841794680
52.	Mục đích của nhà quản lý trong công ty cổ phần: lợi nhuận doanh nghiệp và lợi ích cá nhân	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa Học Thương Mại, Số 52/2012, tr 31-38, 2012
53.	Các yếu tố quan hệ tác động đến hiệu quả chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Tạp chí Thương Mại - Vietnam Trade Review, số 33, tr. 35-38, 2012
54.	The Choice of Foreign-Market Investment Modes: An Empirical Analysis Using Transaction-Cost and Organizational Learning Frameworks	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	International Journal of Business and Management; Vol. 7, No. 15, p. 14-24, 2012
55.	Entry mode of MNEs in Vietnam: an eclectic model of the choice between international joint-ventures and wholly owned subsidiaries	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	Journal of Economics & Development (Tạp chí Kinh tế & Phát triển), Vol 14, N 1, p91-100, 2012
56.	Entry mode of MNEs in Vietnam: an eclectic model of the choice between international joint ventures and wholly owned subsidiaries	TS. Phan Thanh Tú (đồng tác giả)	4th international Conference and doctoral consortium, 5 & 6 June, 2012, Lyon – Pháp, 2012
57.	Vai trò của học phân xác suất thống kê tại các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế, kỹ thuật	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Tạp chí Giáo dục số 285/2012, tr 47-48,56
58.	Một số biện pháp tăng cường liên hệ thực tiễn trong giảng dạy môn Xác suất thống kê cho sinh viên đại học khối kinh tế, kỹ thuật	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Tạp chí Khoa học, trường ĐHSPhN số 58/2013, tr104-111
59.	Sai lầm thường gặp của sinh viên khi vận dụng kiến thức môn Xác suất thống kê trong thực tiễn nghề nghiệp	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Tạp chí Giáo dục số 317/2013, tr 52-53,44
60.	Khai thác các tình huống thực tiễn để gọi động cơ, tạo hứng thú trong dạy học Xác suất thống kê cho sinh viên khối kinh tế, kỹ thuật	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Tạp chí Giáo dục số 338/2014, tr 51-53,62
61.	Vận dụng tư tưởng HCM trong việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nước ta hiện nay	TS. Tô Văn Sóng	Tạp chí Khoa học chính trị số 1/2012 tr 17
62.	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Hải Dương	TS. Tô Văn Sóng	Tạp chí LLCT & TT số 5/2012 tr 66
63.	Nông dân vùng đồng bằng sông Hồng trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn	TS. Tô Văn Sóng	Hội thảo tại Viện CNXHKKH, Học viện Chính trị - Hành chính QGHCM, 6/2012.
64.	Giải pháp huy động vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Thúy Nga	Tạp chí Tài chính Kế toán, số 12 (137) tháng 12/2014
65.	Giải pháp huy động vốn của dân cư để phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Thúy Nga	Tạp chí Tài chính Kế toán, số 02 (139) tháng 02/2015

2.4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn học viên Cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng HVCH có thể tiếp nhận
1	Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.	PGS.TS. Phạm Đức Bình	3
2	Hoạch định và thực thi chiến lược kinh doanh trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở VN	PGS.TS. Nguyễn Đình Tài	3
3	Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.	TSKHKT. Nguyễn Tiên Hóa	3
4	Phân tích và vận dụng các mô hình quản trị hiện đại vào các doanh nghiệp Việt Nam.	TS. Nguyễn Thông Thái	3
5	Chiến lược marketing và thương mại cho các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty và các doanh nghiệp Việt Nam.	TS. Phan Thanh Tú	3
6	Quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	TS. Hà Bạch Đăng	3
7	Hoàn thiện tổ chức hạch toán một số phân hành kế toán của các doanh nghiệp	TS. Nguyễn Phương Ngọc	3
8	Nâng cao chất lượng đào tạo và sử dụng lao động sau đào tạo ở các khu công nghiệp VN	TSKHKT. Nguyễn Tiên Hóa	3
9	Ảnh hưởng kinh tế - xã hội của việc phát triển một số làng nghề ở khu vực phía Bắc Việt Nam	TS. Nguyễn Việt Cường	3
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho CNH – HĐH đất nước trong giai đoạn hiện nay.	TS. Nguyễn Văn Phú	3
11	Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh ở Việt Nam.	PGS.TS Nguyễn Đình Tài	3
12	Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh ở Việt Nam.	TS. Vũ Quang Vinh	3
13	Chính sách đầu tư trong điều kiện đổi mới cơ chế QLKT và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	3
14	Các giải pháp xúc tiến thương mại nâng cao năng lực cạnh tranh của các DN Việt Nam trong điều kiện hội nhập	TS. Nguyễn Thông Thái	3
15	Giải pháp cân bằng cán cân thương mại của VN	TS. Tạ Thị Minh Lý	3
16	Vận dụng yếu tố giá trong các hợp đồng thương mại quốc tế.	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	3

17	Thúc đẩy xuất khẩu nước ta theo hướng bền vững	TS. Nguyễn Đình Bộ	3
18	Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hoặc ngân sách địa phương	PGS.TS Phạm Đức Bình	3
19	Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả hoạt động	TS. Nguyễn Phương Ngọc	3
20	Tín dụng Nhà nước	TS. Nguyễn Thị Thúy Nga	3
21	Quản lý đầu tư công/nợ công/tài sản công	TS. Đỗ Thị Nhan	3
22	Hợp tác công tư (PPP)	TS. Ngô Mạnh Toan	3
23	An sinh xã hội (hỗ trợ thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội v.v...)	TS. Tô Văn Sông	3
24	Tài chính công với vấn đề giảm nghèo	TS. Đỗ Thị Nhan	3
25	Sử dụng các công cụ tài chính công nhằm thực hiện một mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của một ngành hoặc một địa phương	PGS.TS Nguyễn Đình Tài	3
26	Xã hội hóa dịch vụ công và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công	TS. Tô Văn Sông	3
27	Phân tích tài chính tại các đơn vị sử dụng ngân sách/ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng/doanh nghiệp	TS. Phan Nhật Thanh	3
Tổng cộng			81

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Dựa trên xu hướng phát triển của nền giáo dục đại học hiện nay, cũng như để nền giáo dục của đất nước từng bước đạt trình độ ngang tầm với các nền giáo dục trong khu vực và thế giới, hơn bao giờ hết, yêu cầu hội nhập và phát triển hoạt động quan hệ quốc tế, trong đó bao gồm hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Những năm vừa qua, Trường Đại học Hải Dương rất quan tâm đến các công tác hợp tác quốc tế với các cơ sở, những chương trình giáo dục, đào tạo nước ngoài bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, đã xây dựng được sự trao đổi, quan hệ hợp tác về đào tạo với một số trường có uy tín của nước ngoài như Học viện Kinh tế và Pháp luật Matxcova, Học viện Kô-minxki (Ba Lan)... nhằm tạo cơ hội cho việc trao đổi kinh nghiệm và học tập nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Từ năm 2013, Trường Đại học Hải Dương đã tiếp nhận đào tạo đại học cho 6 sinh viên của nước CHDCND Lào.

Ngoài ra, trường đã tạo điều kiện cho hơn 100 cán bộ của trường tham gia học tập, nghiên cứu một số nước trên thế giới như: CHLB Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ba lan, Singapo. nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nắm bắt những kiến thức khoa học và cập nhật những ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

3.1.1. Ngành đăng ký đào tạo

Tên ngành đào tạo : **Quản lý kinh tế** (Economic Management)

Mã số : 60340410

Tên chương trình đào tạo : **Quản lý kinh tế** (Economic Management)

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

3.1.2. Căn cứ pháp lý

Quyết định số 1258/QĐ-TTg, ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng BGD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Công văn số 3281/BGDĐT-GDDH ngày 30/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015.

3.1.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo

3.1.3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo

3.1.3.1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo của bậc cao học ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng là nhằm đào tạo các cán bộ quản lý kinh tế có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng được yêu cầu vừa có tính hiện đại phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, vừa có

tính hội nhập quốc tế, đồng thời thành thạo các kỹ năng quản lý, quản trị trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp cao học ngành Quản lý kinh tế có đủ năng lực để giải quyết các vấn đề chuyên môn có độ phức tạp cao, có tính liên ngành, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành.

3.1.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Đào tạo các nhà quản lý kinh tế nắm vững hệ thống tri thức ngành, nhất là tri thức chuyên ngành quản lý kinh tế để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. Đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức Quản lý kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác.

Nắm vững tri thức cơ bản và có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về kỹ năng

Đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế có trình độ, kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế theo các kỹ năng cụ thể sau:

- Có kỹ năng và phương pháp sư phạm trong giảng dạy quản lý kinh tế và các môn học khác về kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể;

- Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế;

- Có năng lực nắm bắt, phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống kinh tế - xã hội nảy sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế.

- Khả năng cập nhật những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn; nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và thực hành tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở địa phương, khu vực, trong nước cũng như ngoài nước.

Về năng lực

Học viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành quản lý kinh tế, có những năng lực hoạt động nghề nghiệp sau:

- *Giảng dạy* chuyên ngành quản lý kinh tế và các môn học khác về kinh tế tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành, đoàn thể...

- *Tham mưu tư vấn* cho các cấp lãnh đạo quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và trong các doanh nghiệp, cũng như trong các cơ quan nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

Về nghiên cứu

Học viên được bồi dưỡng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Quản lý kinh tế. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.

3.1.3.2. Chuẩn đầu ra

Học viên cao học ngành Quản lý kinh tế sau khi tốt nghiệp được trang bị những kiến thức và kỹ năng sau:

TT	Nội dung	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Thang đo
1	Kiến thức chung	Lý luận chính trị	- Xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; - Nắm vững những chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế; - Có thái độ chính trị kiên định, ý thức công dân và ý thức cộng đồng, có văn hóa trong mọi hành vi và ứng xử.	Khả năng phân tích
		Cơ sở ngành	Hiểu biết và ứng dụng thành thạo những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế - xã hội và khoa học tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.	Ứng dụng
	Kiến thức chuyên môn	Chuyên môn sâu về chuyên ngành đào tạo	- Kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý. - Kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh... - Phương pháp luận khoa học, phương pháp giải quyết tình huống. - Sử dụng các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng.	Tổng hợp và ứng dụng
2	Kỹ năng nghề nghiệp	Khả năng chuyên môn chuyên ngành đào tạo.	- Khả năng làm việc độc lập và tự cập nhật kiến thức về kinh tế và quản lý; - Khả năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức lãnh đạo; - Hoạch định chính sách cho các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương và tại đơn vị công tác.	Tổng hợp và ứng dụng

		Kỹ năng mềm	- Kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập, thu thập thông tin về quản lý kinh tế; - Kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu; - Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý.	Khả năng vận dụng
		Kỹ năng ngoại ngữ	Theo quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: - Trình độ tiếng Anh theo chuẩn B2. - Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc và nghiên cứu khoa học.	Vận dụng
		Kỹ năng tin học	- Vận dụng thành thạo tin học ứng dụng trong nghiên cứu khoa học; - Sử dụng tốt phần mềm thống kê - phân tích ứng dụng trong công tác nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn (như: SPSS, STATA, Eviews)	Vận dụng
3	Thái độ, ý thức xã hội	Thái độ và hành vi	- Theo các tiêu chuẩn của Quyết định số 50/2007/QĐ-BGD&ĐT; - Tác phong làm việc công nghiệp, dám chịu trách nhiệm, giữ vững đạo đức; - Tinh thần học tập để nâng cao trình độ.	- Đạt chuẩn - Tích cực
		Ý thức về cộng đồng, xã hội	- Tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn để phục vụ Nhà trường, cộng đồng xã hội, đoàn thể; - Ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, phát triển kinh tế xã hội - Hợp tác và giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể.	Tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng
4	Vị trí của người học sau tốt nghiệp	Ứng dụng kiến thức, kỹ năng, có bằng thạc sĩ.	- Lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên viên, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan..., cụ thể: + Các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. + Các tổ chức phi lợi nhuận, các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, các ban quản lý dự án đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội... - Tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và	- Biết làm tốt - Đủ khả năng

			viện nghiên cứu liên quan. - Cán bộ kinh tế làm việc tại các tổ chức quốc tế	
5	Khả năng phát triển chuyên môn	Học bậc cao hơn; có công trình nghiên cứu công bố	- Tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc nhóm ngành kinh tế và quản lý trong và ngoài nước; - Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu nâng cao về lĩnh vực kinh tế và quản lý và/hoặc có các công trình nghiên cứu khoa học công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.	- Đủ khả năng

3.1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Số học phần phải tích lũy: 20 học phần

Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43 tín chỉ, trong đó:

+ Bắt buộc: 21 TC (cơ sở: 2 HP (6 TC); chuyên ngành: 5 HP (15 TC)

+ Tự chọn: 22 TC (cơ sở: 4 HP 8 TC; chuyên ngành: 7 HP 14 TC)

- Luận văn thạc sĩ: 11 TC. Đề tài luận văn thạc sĩ do học viên đề xuất phù

hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần chuyên ngành bắt buộc

3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.2.1.1. Phương án tuyển sinh

3.2.1.1.1. Các môn thi tuyển

Các môn thi tuyển sinh gồm: môn ngoại ngữ, môn chủ chốt và môn không chủ chốt của chuyên ngành Quản lý kinh tế, cụ thể:

a) Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

b) Môn chủ chốt của chuyên ngành: Quản lý tài chính công

c) Môn không chủ chốt: Kinh tế học (gồm Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô)

Việc thay đổi môn thi tuyển sinh do Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương quyết định theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo và phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh.

3.2.1.1.2. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh dự thi phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 ở các môn thi chủ chốt và môn không chủ chốt của chuyên ngành. Đối với môn tiếng Anh phải đạt 50 điểm trở lên theo thang điểm 100.

- Phải trong số lượng trúng tuyển thuộc chỉ tiêu đã được xác định cho từng đợt tuyển sinh và tổng điểm các môn thi (trừ môn tiếng Anh) của từng thí sinh.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm các môn thi như nhau thì sẽ xét đến mức điểm cao hơn của môn chủ chốt sau đó đến môn không chủ chốt và cuối cùng là môn tiếng Anh để xác định người trúng tuyển.

3.2.1.1.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo, Nhà trường dự kiến tuyển sinh năm đầu từ 30- 40 học viên, 4 năm tiếp theo mỗi năm 50 học viên.

3.2.1.2. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo, cán bộ làm công tác quản lý trong các cơ quan lý nhà nước, doanh nghiệp, lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng bao gồm cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Các sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ... đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để được tham gia các khóa đào tạo cao học ngành Quản lý kinh tế, tất cả các thí sinh phải qua thi tuyển. Điều kiện văn bằng để được dự thi tuyển sinh bao gồm:

1. Tốt nghiệp đại học đúng ngành Quản lý kinh tế, trường hợp này thí sinh không phải học bổ sung kiến thức.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 03 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 03 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
2	Quản lý Tài chính công	3
3	Quản trị doanh nghiệp	3
	Tổng số	9

3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 05 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 05 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tài chính tiền tệ	3
2	Quản trị học	3
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
4	Quản lý Tài chính công	3
5	Quản trị doanh nghiệp	3
	Tổng số	15

4. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 10 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 10 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học vi mô	3
2	Kinh tế học vĩ mô	3
3	Kinh tế học công cộng	3
4	Kinh tế quốc tế	3
5	Kinh tế đầu tư	3
6	Kinh tế phát triển	3
7	Khoa học quản lý	3
8	Quản trị học	3
9	Quản trị doanh nghiệp	3
10	Quản lý tài chính công	3
	Tổng số	30

Ngoài điều kiện về văn bằng có tính đặc thù được quy định như trên, người tham gia dự tuyển còn phải thỏa mãn các điều kiện khác do BGD&ĐT đã quy định.

3.2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo.
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu chung. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ của học viên.
- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.
- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

3.2.1.4. Danh mục các ngành đúng, phù hợp ngành gần, ngành khác với ngành Quản lý kinh tế

TT	Ngành	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học
1	Ngành phù hợp	Các ngành: Khoa học quản lý; Quản lý tài chính công; Quản trị doanh nghiệp.
2	Ngành gần	- Các ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại. - Các ngành thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý: Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý và Quản trị văn phòng. - Các ngành thuộc nhóm ngành Tài chính- Ngân hàng-Bảo hiểm: Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm. - Các ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán: Kế toán; Kiểm toán.
3	Ngành khác	Ngoài các ngành và chuyên ngành đã nêu ở trên

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

3.2.2.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: Tập trung trong hai năm.

3.2.2.2. Khung kế hoạch đào tạo từng năm, học kỳ

TT	Tên học phần	Số TC	HK 1	HK 2	HK 3+4
	Khôi kiến thức chung:				
1	Triết học	4	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	2		
	Khôi kiến thức cơ sở:	14			
	Học phần bắt buộc	6			
3	Kinh tế học nâng cao	3	3		
4	Khoa học quản lý	3	3		
	Học phần tự chọn	8			
5	Môn tự chọn cơ sở 1	2	2		
6	Môn tự chọn cơ sở 2	2	2		
7	Môn tự chọn cơ sở 3	2	2		
8	Môn tự chọn cơ sở 4	2	2		
	Khôi kiến thức chuyên ngành:	29			
	Học phần bắt buộc	15			
9	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		3	
10	Quản lý dự án đầu tư	3		3	
11	Quản trị doanh nghiệp	3		3	
12	Quản lý tài chính công	3		3	
13	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3		3	
	Học phần tự chọn	14			
14	Môn tự chọn chuyên ngành 1	2			2
15	Môn tự chọn chuyên ngành 2	2			2
16	Môn tự chọn chuyên ngành 3	2			2
17	Môn tự chọn chuyên ngành 4	2			2
18	Môn tự chọn chuyên ngành 5	2			2
19	Môn tự chọn chuyên ngành 6	2			2
20	Môn tự chọn chuyên ngành 7	2			2
	Luận văn thạc sĩ	11			
21	Luận văn tốt nghiệp	11			11
	Số môn/Số tín chỉ	20/60			

3.2.2.3. Dự kiến phân công giảng viên

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên thực hiện	Chuyên ngành đào tạo
1	Triết học	4	TS. Tô Văn Sông	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Quản lý Kinh tế
3	Kinh tế học nâng cao	3	PGS,TS. Nguyễn Đình Tài	Kinh tế, tài chính
4	Khoa học quản lý	3	TS. Phan Thanh Tú	Khoa học quản lý
5	Tiếng Anh	2	ThS. Phan Thị Hiền	Tiếng Anh
6	Kinh tế công cộng	2	TS. Nguyễn Việt Cường	Quản lý Doanh nghiệp
7	Kinh tế Quốc tế	2	TS. Ngô Mạnh Toan	Luật học
8	Kinh tế phát triển	2	TS. Nguyễn Văn Phú	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương
9	Kinh tế đầu tư	2	PGS,TS. Nguyễn Đình Tài	Kinh tế, tài chính
10	Kinh tế lượng ứng dụng	2	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa học Giáo dục
11	Tài chính tiền tệ	2	TS. Nguyễn Phương Ngọc	Kế toán
12	Luật Kinh tế		TS. Vũ Quang Vinh	Luật học
13	Quản trị học	2	TS. Phan Thanh Tú	Khoa học quản lý
14	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	PGS,TS. Phạm Đức Bình	Kế toán, kiểm toán và phân tích
15	Quản lý dự án đầu tư	3	TS. Nguyễn Thông Thái	Marketing
16	Quản trị doanh nghiệp	3	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Quản lý Kinh tế
17	Quản lý tài chính công	3	TS. Đỗ Thị Nhan	Kế toán
18	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	TS. Nguyễn Thị Đào	Kế toán, Kiểm toán và phân tích
19	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	TS. Nguyễn Thị Thúy Nga	Tài chính - Ngân hàng
20	Quản lý thuế	2	TS. Hà Bạch Đăng	Kế toán Doanh nghiệp
21	Quản lý tài sản công	2	PGS,TS. Phạm Đức Bình	Kế toán, kiểm toán và phân tích
22	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	TS. Vũ Đức Lễ	Quản lý công
23	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo	2	TS. Lê Đình Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương

24	Quản lý nông nghiệp và phát triển NT	2	TS. Nguyễn Đình Bộ	Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Hải Dương
25	Quản lý năng lượng và môi trường	2	TS. Vũ Đức Lễ	Quản lý công
26	Quản lý khoa học và công nghệ	2	TS. Phan Nhật Thanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
27	Quản lý thương mại quốc tế	2	TSKHKT. Nguyễn Tiến Hóa	Khoa học Kinh tế
28	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2	TS. Vũ Quang Vinh	Luật học

3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.3.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Nhà trường tiếp tục rà soát quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo trình độ đại học và hướng tới đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành kinh tế. Hằng năm, Nhà trường cử từ 3-5 giảng viên đào tạo trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước. Đồng thời, Nhà trường cũng tạo điều kiện cho các giảng viên đầu tư học Ngoại ngữ để học những chương trình có học bổng của nước ngoài.

3.2.3.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất

Trên cơ sở các phòng học, trang thiết bị hiện có, Nhà trường tiếp tục lập kế hoạch đầu tư nâng cấp các phòng học dành cho đào tạo sau đại học trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học hiện đại. Ngoài hệ thống tài liệu do Trung tâm thông tin tư liệu với hệ thống thư viện điện tử cung cấp cho học viên sau đại học. Nhà trường tiếp tục đầu tư phòng thư viện của Viện sau đại học và phát triển năng lực giảng viên đầy đủ nguồn tư liệu (sách, tạp chí, ...) đúng chuyên ngành, có tính thời sự cao, giúp học viên tra cứu thông tin nhanh và mới nhất.

3.2.3.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo

Những năm vừa qua, Trường Đại học Hải Dương rất quan tâm đến các công tác hợp tác quốc tế với các cơ sở, những chương trình giáo dục, đào tạo nước ngoài bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, đã xây dựng được sự trao đổi, quan hệ hợp tác về đào tạo với một số trường có uy tín của nước ngoài như Học viện Kinh tế và Pháp luật Matxcova, Học viện Kô-minxki (Ba Lan)... nhằm tạo cơ hội cho việc trao đổi kinh nghiệm và học tập nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nước ngoài dưới các hình thức như trao đổi giảng viên, sinh viên, tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

3.2.3.4. Kế hoạch hợp tác đào tạo với các cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp

Với mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng các ngành học, bậc học của Trường Đại học Hải Dương, do vậy vấn đề liên kết với các cơ sở sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp trong tổ chức đào tạo là rất cấp thiết nhằm gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục mở rộng các quan hệ hợp tác đào tạo với các cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường Đại học Hải Dương, đặc biệt các cơ sở đóng trên địa bàn tỉnh Hải Dương thông qua các hình thức như liên kết trong thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tiễn, các hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, phối hợp rà soát phát triển chương trình đào tạo, các chương trình ngoại khóa kỹ năng mềm cho sinh viên....

3.2.4. Mức học phí: Theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

PHẦN 4: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO

1. Nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ và Ban giám hiệu nhà trường
2. Biên bản thông qua đề án của hội đồng khoa học và đào tạo
3. Các biểu mẫu xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo; các công trình nghiên cứu khoa học; lý lịch khoa học của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ cơ hữu đúng ngành, chuyên ngành hoặc thuộc ngành, chuyên ngành gần và các bằng tốt nghiệp.
4. Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.
5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện).
6. Danh sách sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học các khóa đào tạo các ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính ngân hàng, Kế toán là ngành gần với ngành Quản lý kinh tế (vì trình độ đại học không có mã ngành Quản lý kinh tế), Trường Đại học Hải Dương đã và đang đào tạo.
7. Các Quyết định của BGD&ĐT cho phép Trường Đại học Hải Dương đào tạo và các ngành trình độ đại học là ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính ngân hàng, Kế toán là ngành gần với ngành Quản lý kinh tế.
8. Biên bản hợp tác với trường đại học
9. Biên bản phối hợp với doanh nghiệp
10. Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục
11. Quyết định giao nhiệm vụ quản lý đào tạo sau đại học
12. Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành Quản lý kinh tế.

Hải Dương, ngày tháng năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Tên ngành : **Quản lý kinh tế** (Economic Management)

Mã số : 60340410

Bậc đào tạo : Thạc sĩ

Tên văn bằng : Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (The Degree of Master in Economic Management)

Đơn vị đào tạo : **Trường Đại học Hải Dương**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo của bậc cao học ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng là nhằm đào tạo các cán bộ quản lý kinh tế có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng được yêu cầu vừa có tính hiện đại phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, vừa có tính hội nhập quốc tế, đồng thời thành thạo các kỹ năng quản lý, quản trị trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viên tốt nghiệp cao học ngành Quản lý kinh tế có đủ năng lực để giải quyết các vấn đề chuyên môn có độ phức tạp cao, có tính liên ngành, có khả năng quản lý điều hành, quản lý một tập thể, bộ phận đơn vị trong một cơ quan đang công tác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Đào tạo các nhà quản lý kinh tế nắm vững hệ thống tri thức ngành, nhất là tri thức chuyên ngành quản lý kinh tế để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. Đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức Quản lý kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác.

Nắm vững tri thức cơ bản và có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về kỹ năng

Đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế có trình độ, kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế theo các kỹ năng cụ thể sau:

- Có kỹ năng và phương pháp sư phạm trong giảng dạy quản lý kinh tế và các môn học khác về kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể;

- Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế;

- Có năng lực nắm bắt, phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống kinh tế - xã hội nảy sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế.

- Khả năng cập nhật những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn; nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và thực hành tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở địa phương, khu vực, trong nước cũng như ngoài nước.

Về năng lực

Học viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành quản lý kinh tế, có những năng lực hoạt động nghề nghiệp sau:

- *Giảng dạy* chuyên ngành quản lý kinh tế và các môn học khác về kinh tế tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành, đoàn thể...

- *Tham mưu tư vấn* cho các cấp lãnh đạo quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và trong các doanh nghiệp, cũng như trong các cơ quan nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

Về nghiên cứu

Học viên được bồi dưỡng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Quản lý kinh tế. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.

2. Chuẩn đầu ra người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Học viên cao học ngành Quản lý kinh tế sau khi tốt nghiệp được trang bị những kiến thức và kỹ năng sau:

TT	Nội dung	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Thang đo
1	Kiến thức chung	Lý luận chính trị	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; - Nắm vững những chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế; - Có thái độ chính trị kiên định, ý thức công dân và ý thức cộng đồng, có văn hóa trong mọi hành vi và ứng xử. 	Khả năng phân tích
		Cơ sở ngành	Hiểu biết và ứng dụng thành thạo những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế - xã hội và khoa học tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.	Ứng dụng
	Kiến thức chuyên môn	Chuyên môn sâu về chuyên ngành đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý. - Kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành như tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh... - Phương pháp luận khoa học, phương pháp giải quyết tình huống. - Sử dụng các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng. 	Tổng hợp và ứng dụng
2	Kỹ năng nghề nghiệp	Khả năng chuyên môn chuyên ngành đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng làm việc độc lập và tự cập nhật kiến thức về kinh tế và quản lý; - Khả năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức lãnh đạo; - Hoạch định chính sách cho các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương và tại đơn vị công tác. 	Tổng hợp và ứng dụng
		Kỹ năng mềm	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập, thu thập thông tin về quản lý kinh tế; - Kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu; - Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý. 	Khả năng vận dụng
		Kỹ năng ngoại ngữ	<p>Theo quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ tiếng Anh theo chuẩn B2. - Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc và nghiên cứu khoa học. 	Vận dụng

		Kỹ năng tin học	- Vận dụng thành thạo tin học ứng dụng trong nghiên cứu khoa học; - Sử dụng tốt phần mềm thống kê - phân tích ứng dụng trong công tác nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn (như: SPSS, STATA, Eviews)	Vận dụng
3	Thái độ, ý thức xã hội	Thái độ và hành vi	- Theo các tiêu chuẩn của Quyết định số 50/2007/QĐ-BGD&ĐT; - Tác phong làm việc công nghiệp, dám chịu trách nhiệm, giữ vững đạo đức; - Tinh thần học tập để nâng cao trình độ.	- Đạt chuẩn - Tích cực
		Ý thức về cộng đồng, xã hội	- Tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn của mình để phục vụ Nhà trường, cộng đồng xã hội, đoàn thể; - Ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, phát triển kinh tế xã hội - Hợp tác và giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể.	Tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng
4	Vị trí của người học sau tốt nghiệp	Ứng dụng kiến thức, kỹ năng, có bằng thạc sĩ.	- Lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên viên, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan..., cụ thể: + Các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. + Các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các ban quản lý dự án đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội... - Tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu liên quan. - Cán bộ kinh tế làm việc tại các tổ chức quốc tế	- Biết làm tốt - Đủ khả năng
5	Khả năng phát triển chuyên môn	Học lên bậc cao hơn; công trình nghiên cứu công bố	- Tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc nhóm ngành kinh tế và quản lý trong và ngoài nước; - Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu nâng cao về lĩnh vực kinh tế và quản lý và/hoặc có các công trình nghiên cứu khoa học công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.	- Đủ khả năng

3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Đối tượng tuyển sinh là các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo, cán bộ làm công tác quản lý trong các cơ quan lý nhà nước, doanh nghiệp, lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng bao gồm cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Các sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ... đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để được tham gia các khóa đào tạo cao học ngành Quản lý kinh tế, tất cả các thí sinh phải qua thi tuyển. Điều kiện văn bằng để được dự thi tuyển sinh bao gồm:

1. Tốt nghiệp đại học đúng ngành Quản lý kinh tế, trường hợp này thí sinh không phải học bổ sung kiến thức.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 03 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 03 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
2	Quản lý Tài chính công	3
3	Quản trị doanh nghiệp	3
	Tổng số	9

3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 05 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 05 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tài chính tiền tệ	3
2	Quản trị học	3
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
4	Quản lý Tài chính công	3
5	Quản trị doanh nghiệp	3
	Tổng số	15

4. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản lý kinh tế. Đối với trường hợp này, người đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức 10 học phần để đáp ứng đủ tiêu chuẩn dự thi, 10 học phần học bổ sung bao gồm:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học vi mô	3
2	Kinh tế học vĩ mô	3
3	Kinh tế học công cộng	3
4	Kinh tế quốc tế	3
5	Kinh tế đầu tư	3
6	Kinh tế phát triển	3
7	Khoa học quản lý	3
8	Quản trị học	3
9	Quản trị doanh nghiệp	3
10	Quản lý tài chính công	3
	Tổng số	30

Ngoài điều kiện về văn bằng có tính đặc thù được quy định như trên, người tham gia dự tuyển còn phải thỏa mãn các điều kiện khác do BGD&ĐT quy định.

4. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo.
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu chung. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ của học viên.
- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.

- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khái quát chương trình

Số học phần phải tích lũy: 20 học phần

Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43 tín chỉ, trong đó:
 - + Bắt buộc: 21 tín chỉ (cơ sở : 2 học phần (6 tín chỉ); chuyên ngành: 5 học phần (15 tín chỉ)
 - + Tự chọn: 22 tín chỉ (cơ sở :4 học phần tự chọn (8 tín chỉ); chuyên ngành: 07 học phần tự chọn (14 tín chỉ)
- Luận văn thạc sĩ: 11 tín chỉ

Đề tài luận văn thạc sĩ do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần chuyên ngành bắt buộc

5.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

SỐ TT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (Tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH
I	Khối kiến thức chung:			6	3	3
1	THML	501	Triết học	4	2	2
2	PPNC	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	1	1
II	Khối kiến thức cơ sở:			14	8	6
II.1	Các môn học bắt buộc:			6	4	2
1	KTHN	503	Kinh tế học nâng cao	3	2	1
2	KHQL	504	Khoa học quản lý	3	2	1
II.2	Các môn học tự chọn: 4 trong 9			8	4	4
1	TATM	505	Tiếng Anh	2	1	1
2	KTCC	506	Kinh tế học công cộng	2	1	1
3	KTQH	507	Kinh tế quốc tế	2	1	1
4	KTPT	508	Kinh tế phát triển	2	1	1
5	KTĐT	509	Kinh tế đầu tư	2	1	1
6	KTLU	510	Kinh tế lượng ứng dụng	2	1	1
7	TCTT	511	Tài chính- tiền tệ	2	1	1
8	LKT	512	Luật kinh tế	2	1	1
9	QTH	513	Quản trị học	2	1	1
III	Khối kiến thức chuyên ngành			29	17	12
III.1	Các môn học bắt buộc:			15	10	5
1	QLNN	514	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
2	DAĐT	515	Quản lý dự án đầu tư	3	2	1
3	QTDN	516	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
4	QLTC	517	Quản lý tài chính công	3	2	1
5	PTKT	518	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	1
III.2	Các môn học tự chọn: 7 trong 10			14	7	7
1	TCTT	519	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	1	1
2	QLT	520	Quản lý thuế	2	1	1
3	QLTSC	521	Quản lý tài sản công	2	1	1
4	QLNNL	522	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	1	1
5	QLASXH	523	Quản lý ASXH và xóa đói giảm nghèo	2	1	1
6	QLNNNT	524	Quản lý nông nghiệp và PTNT	2	1	1
7	QLNLMT	525	Quản lý năng lượng và môi trường	2	1	1
8	QLKHCCN	526	Quản lý khoa học và công nghệ	2	1	1
9	QLTMQT	527	Quản lý thương mại quốc tế	2	1	1
10	TLHLĐ	528	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2	1	1
III.3	LVTS	529	Luận văn thạc sĩ	11	1	1
	Tổng cộng			60	39	21

5.3. Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo

HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mã học phần: THML501

2. Tên học phần: Triết học

3. Số tín chỉ: 4 (2,2);

4. Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị.

5. Mô tả học phần

Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

6. Mục tiêu của học phần

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội- nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội - nhân văn ở trình độ sau đại học.

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ

1. Mã học phần: PPNC 502

2. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Phòng QLKH&CN

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính và kế toán, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, tổ chức thu thập số liệu, thiết kế đo lường và xử lý, phân tích dữ liệu nhằm đánh giá bản chất và quy luật của vấn đề nghiên cứu.

b) Vị trí của học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần tự chọn áp dụng đối với một số ngành học ở trong chương trình đào tạo đại học với những nội dung cơ bản là: Đại cương về nghiên cứu khoa học; Lý thuyết khoa học; Luận điểm khoa học; Công trình khoa học; Quá trình thực hiện luận văn tốt nghiệp.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế bao gồm: Tổng quan những vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu; Xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu; Đo lường; Thu thập dữ liệu; Xử lý và phân tích dữ liệu; Viết báo cáo nghiên cứu.

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế là cơ sở phương pháp luận cơ bản để học viên học tập và nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức*: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu, phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê, kinh tế lượng và phương pháp toán kinh tế, phương pháp nghiên cứu, viết và trình bày luận văn tốt nghiệp cao học.

- *Kỹ năng*: Kỹ năng viết, báo cáo, trình bày và thuyết trình, kỹ năng kết nối kiến thức các môn học như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Toán kinh tế, Kinh tế lượng, Thống kê... trong việc phân tích các vấn đề về quản lý kinh tế.

- *Thái độ*: Rèn luyện tính chủ động sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và làm việc để đạt được hiệu quả cao.

HỌC PHẦN: CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ HỌC NÂNG CAO

1. Mã học phần: KTHN 503

2. Tên học phần: Kinh tế học nâng cao

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Kinh tế học nâng cao cung cấp những kiến thức và kỹ năng nâng cao về vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế

như lý thuyết về cung, cầu, hành vi người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, chi phí, lý thuyết về tiền tệ, chính sách tài khóa, lạm phát....

b) Vị trí của học phần

Kinh tế học nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần Kinh tế học đã được học trọng mọi cấp học từ cao đẳng đến đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, đã trang bị các kiến thức cơ bản về các nguyên lý của kinh tế học, đối với trình độ thạc sĩ được nghiên cứu sâu hơn mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế bao gồm: Phần thứ nhất kinh tế vi mô. Trong phần này, học viên được ôn tập lại các vấn đề căn bản về thị trường tự do và thị trường có sự điều tiết của chính phủ; hành vi người tiêu dùng và hành vi nhà sản xuất, các cấu trúc thị trường khác nhau trong nền kinh tế thị trường, trên cơ sở đó phát triển nâng cao năng lực vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vi mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế. Phần thứ hai các vấn đề của kinh tế vĩ mô. Trong phần này, học viên được ôn tập lại các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình, các vấn đề cơ bản như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, trên cơ sở đó phát triển nâng cao năng lực vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế học vĩ mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế.

Học phần Kinh tế học nâng cao là cơ sở phương pháp luận về kinh tế học trong nền kinh tế thị trường, tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Học phần này nhằm giúp học viên hiểu sâu được những nguyên tắc cơ bản của kinh tế học mà nó cần thiết cho học viên suy nghĩ một cách hệ thống về những vấn đề kinh tế. Đồng thời cũng trang bị những kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các môn học khác.

- *Kỹ năng:* Kỹ năng vận dụng lý luận vào các tình huống cụ thể trong thực tế

- *Thái độ:* Rèn luyện tinh thần chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và làm việc để đạt được hiệu quả cao

HỌC PHẦN: KHOA HỌC QUẢN LÝ

1. Mã học phần: KHQL 504

2. Tên học phần: Khoa học quản lý

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Khoa học quản lý là một môn khoa học có tính ứng dụng cao, mang tính liên ngành. Phát triển nhanh cả về cơ sở lý thuyết và cơ sở kỹ thuật, công nghệ. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

b) Vị trí của học phần

Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần Khoa học quản lý đã được học ở trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, đã trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, đối với trình độ thạc sĩ được nghiên cứu sâu hơn mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Hệ thống và nâng cao các vấn đề lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò, đặc điểm của quản lý, lịch sử tư tưởng quản lý, chức năng của quản lý, các nguyên tắc của quản lý, mục tiêu và động lực trong quản lý, các phương pháp quản lý, các công cụ quản lý, cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin trong hoạt động quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý kinh tế nền kinh tế thị trường, vận dụng kiến thức khoa học quản lý vào các tình huống trong thực tiễn.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tổ chức lao động khoa học trong một tổ chức, kỹ năng liên kết các thành viên trong làm việc nhóm để nâng cao hiệu suất lao động

- *Về thái độ:* Rèn luyện tinh thần chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và làm việc để đạt được kết quả cao.

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH

1. Mã học phần: TATM 505

2. Tên học phần: Tiếng Anh

3. Số tín chỉ: 4 (2,2)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày từ việc giao tiếp đến những cơ hội trong học tập, làm việc, mở rộng các mối quan hệ để

hợp tác kinh doanh quốc tế. Các công ty Việt Nam cần có tiếng Anh để mở rộng sự hợp tác, đầu tư quốc tế.

b) Vị trí của học phần

Tiếng Anh là một ngoại ngữ, học viên cao học phải đạt trình độ chuẩn B1 của theo quy chế của Bộ GD&ĐT ban hành.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: đạt được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chuẩn B1 theo quy chế của Bộ GD&ĐT ban hành

6. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung của học phần là giúp học viên đạt được chuẩn tiếng Anh B1 theo Khung Châu Âu. Cụ thể là khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu biểu (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v; có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; có thể viết đơn giản nhưng liên kết các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

HỌC PHẦN: KINH TẾ CÔNG CỘNG

1. Mã học phần: KTCC 506

2. Tên học phần: Kinh tế công cộng

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Kinh tế công cộng nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cung cấp những kiến thức tổng quan để phân biệt về các loại hàng hóa công cộng trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này. Ngoài ra học phần còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ, chính sách can thiệp của chính phủ đến lợi ích của người dân và phúc lợi xã hội nói chung.

b) Vị trí của học phần

Học phần Kinh tế công cộng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được

nghiên cứu đối với ngành Kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những nguyên lý cơ bản về kinh tế công cộng, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn về hoạch định chính sách của chính phủ trong quản lý kinh tế và phúc lợi xã hội.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường về phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội, lựa chọn công cộng, các công cụ chính sách can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị các kiến thức về vai trò khách quan của chính phủ can thiệp vào nền kinh tế nhằm khắc phục các thất bại thị trường, bằng các chính sách, công cụ của chính phủ nhằm đạt được tối đa hóa phúc lợi xã hội

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng phân tích đánh giá vận dụng lý luận vào thực tiễn về các chính sách của Chính phủ can thiệp vào nền kinh tế.

- *Về thái độ:* Cùng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan trong phát triển bền vững nền kinh tế xã hội của quốc gia, cũng như thế giới.

HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Mã học phần: KTQT 507

2. Tên học phần: Kinh tế quốc tế

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Kinh tế quốc tế có vai trò quan trọng đối với những người nghiên cứu về kinh tế nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại thương và kinh tế học phát triển. Với xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, Kinh tế quốc tế càng có vị trí quan trọng. Bởi vì không có một chính sách kinh tế nào, một biến động chính trị - xã hội nào xảy ra ở nước này mà lại không ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế các nước khác.

b) Vị trí của học phần

Học phần Kinh tế quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những nguyên lý cơ bản về kinh tế quốc tế, do vậy ở

trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn về mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: học phần chia thành ba bộ phận lớn: Phần thứ nhất: Học thuyết về thương mại quốc tế; Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.

6. Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: Sau khi kết thúc môn học này, học viên được trang bị các kiến thức về thương mại quốc tế, hiểu tại sao các quốc gia quan hệ thương mại với nhau, các quốc gia cần phải làm gì khi có quan hệ thương mại với nhau, quan hệ thương mại với nhau các quốc gia thu được lợi ích như thế nào; các chính sách chung của các quốc gia và quốc tế trong thương mại quốc tế, các tác động về kinh tế đến các đối tượng có liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản thương mại quốc tế, liên kết kinh tế một trong những xu hướng của kinh tế quốc tế hiện nay.

- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích về thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực và toàn cầu.

- Thái độ: Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan trong quan hệ thương mại quốc tế của Việt Nam.

HỌC PHẦN: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1. Mã học phần: KTPT 508

2. Tên học phần: Kinh tế phát triển

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, những lý thuyết mô hình, những vấn đề chủ yếu của nền kinh tế các nước đang phát triển, những vấn đề phải đương đầu và những vấn đề đặt ra cho các nước đang phát triển, làm rõ những vấn đề lý luận được áp dụng trong hoạt động kinh tế ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam trên con đường phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

b) Vị trí của học phần

Học phần Kinh tế phát triển là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được

nghiên cứu đối với ngành Kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những nguyên lý cơ bản về kinh tế phát triển, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn về phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn của quốc gia.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Trang bị các kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Các phạm trù cơ bản của môn học như TTKT, PTKT, các thước đo sự TTKT, các mô hình TTKT. Phân tích các nguồn lực để PTKT như vốn, tài nguyên, lao động và khoa học công nghệ, vấn đề nghèo đói, phân phối thu nhập và mất công bằng xã hội, các chính sách tài chính- tiền tệ, ngoại thương, đầu tư và nợ nước ngoài.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức* Giúp học viên tiếp cận với những chủ đề chính của kinh tế học phát triển và để khám phá những gợi ý chính sách của lý thuyết phát triển, các nghiên cứu thực nghiệm đã và đang diễn ra cho các quốc gia đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các chủ thể mang tính kinh tế, xã hội, môi trường giáo dục, y tế, quản trị, thể chế. Các chủ thể này sẽ được tiếp cận dưới khía cạnh phát triển với mục đích giúp học viên tìm ra một khung phân tích chính sách liên quan cho từng chủ đề khác nhau tạo nền tảng cho việc phân tích tìm ra các gợi ý chính sách phát triển cho những quốc gia như Việt Nam đang đối diện với những thách thức đa dạng trong quá trình công nghiệp hóa.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng phân tích về chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới.

- *Về thái độ*: Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới.

HỌC PHẦN: KINH TẾ ĐẦU TƯ

1. Mã học phần: KTĐT 509

2. Tên học phần: Kinh tế đầu tư

3. Số tín chỉ: 2(1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Kinh tế đầu tư cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư, cơ sở khoa học của các vấn đề về kinh tế, tổ chức quản lý, đánh giá kết quả và hiệu quả trong hoạt động đầu tư, phương pháp lập và thẩm định các dự án đầu tư, vấn đề tổ chức và quản lý đấu thầu trong đầu tư, vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

b) Vị trí của học phần

Học phần Kinh tế đầu tư là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với ngành Kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những nguyên lý cơ bản về kinh tế đầu tư, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn trong đầu tư phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn của quốc gia.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Những vấn đề cơ bản của đầu tư và phát triển; Nguồn vốn đầu tư; Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư; Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; Môi trường đầu tư.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển; Nguồn vốn đầu tư; Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư; Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; Môi trường đầu tư.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng lập, phân tích, tính toán, kiểm tra các dự án đầu tư, tìm kiếm thu thập thông tin liên quan đến các lĩnh vực đầu tư khác nhau của từng dự án và kỹ năng thuyết trình về dự án.

- *Về thái độ:* Giúp học viên có thái độ đúng đắn đầy đủ về đầu tư phát triển.

HỌC PHẦN: KINH TẾ LƯỢNG ỨNG DỤNG

1. Mã học phần: KTLu 510

2. Tên học phần: Kinh tế lượng ứng dụng

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Toán Kinh tế

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Kinh tế lượng ứng dụng cung cấp các phương pháp thống kê và các chương trình vi tính dùng để ước lượng các mô hình kinh tế, kiến thức của môn học này rất cần thiết cho học viên làm luận văn tốt nghiệp và hữu ích cho các công trình nghiên cứu khoa học về kinh vực kinh tế.

b) Vị trí của học phần

Học phần Kinh tế lượng ứng dụng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về kinh tế lượng, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về xây dựng mô hình hồi qui đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các phương pháp kinh tế lượng nâng cao giúp trang bị cho học viên một số phương pháp xử lý dữ liệu phù hợp với các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích định lượng thông qua các mô hình kinh tế lượng phục vụ việc đánh giá và hoạch định các chính sách trong chuyên ngành có liên quan.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Mô hình hồi quy bội; Mô hình phi tuyến; Mô hình độ trễ thời gian; Mô hình với biến độc lập định tính; Mô hình với biến phụ thuộc lưỡng phân.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình 1 phương trình. Sử dụng mô hình để dự báo khi biết giá trị của biến độc lập nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động kinh tế, kinh doanh, các kiến thức cơ bản cho người học về kỹ thuật sử dụng biến giả trong việc phân tích tác động của biến định tính đối với biến định lượng.

- *Về kỹ năng:* Giúp cho người học có thể xây dựng, ước lượng, phân tích, đánh giá và dự báo với mô hình kinh tế lượng. Biết sử dụng một phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng như MFIT3, EVIEWS, SPSS... giúp người học biết cách giải quyết các bài toán kinh tế thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.

- *Về thái độ:* Giúp học viên có thái độ đúng đắn đầy đủ về đầu tư phát triển.

HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1. Mã học phần: TCTT 511

2. Tên học phần: Tài chính - Tiền tệ

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Tài chính - Tiền tệ cung cấp kiến thức mang tính tổng hợp, có liên quan trực tiếp đến điều kiện kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Vận dụng công cụ, mô hình, chính sách tài chính - tiền tệ luôn có vị trí trọng yếu đối với nền kinh tế quốc dân mỗi nước.

b) Vị trí của học phần

Học phần Tài chính - Tiền tệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Tài chính - Tiền tệ, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Tài chính - Tiền tệ đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Tài chính - Tiền tệ để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích đánh giá và hoạch định các chính sách về Tài chính - Tiền tệ trong thực tiễn.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Các quan điểm tiếp cận về phạm trù tài chính - tiền tệ; Các nguồn tài trợ cho phát triển kinh tế; Cấu trúc tài chính doanh nghiệp và khuynh hướng tài trợ doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Hệ thống tiền tệ và khủng hoảng tài chính - tiền tệ; Tự do hóa tài chính.

6. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức*: Trang bị những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - tiền tệ như: Các cách tiếp cận khác nhau về tài chính, các xu hướng đổi mới tài chính - tiền tệ của thế giới và Việt Nam; vai trò quản lý và can thiệp của Nhà nước bằng các công cụ tài chính vào các hoạt động tài chính - tiền tệ. Các thể chế tài chính; các nguồn tài trợ cho phát triển kinh tế; cấu trúc tài chính doanh nghiệp và khuynh hướng tài trợ tài doanh nghiệp; thị trường tài chính. Hệ thống tiền tệ và cung cầu tiền tệ, kiểm soát tiền tệ; khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Tài chính quốc tế, tự do hóa tài chính, dòng tiền chuyển đổi tự do và các dòng vốn quốc tế.

- *Về kỹ năng*: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính, nghiên cứu các môn nghiệp vụ tài chính ngân hàng và một số môn kinh tế khác. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông

tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về tài chính tiền tệ, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

- *Về thái độ*: Có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của thị trường tài chính trong sự phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp.

HỌC PHẦN: LUẬT KINH TẾ

1. Mã học phần: LKT 512

2. Tên học phần: Luật kinh tế

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Tổ bộ môn Luật kinh tế

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Pháp luật trong kinh doanh là một lĩnh vực rất rộng, đụng chạm đến hầu hết các ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế hữu quan. Môn học Luật kinh tế của chương trình đào tạo thạc sĩ kinh tế hướng đến cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về những khía cạnh pháp lý cơ bản trong nền kinh tế thị trường; bao gồm các kiến thức pháp luật về vận hành doanh nghiệp; lý giải cơ sở của các định chế về quyền và nghĩa vụ của nhà kinh doanh; các loại hành vi thương mại sở hữu trí tuệ; các phương tiện tài phán trong kinh doanh.

b) Vị trí của học phần

Học phần Luật kinh tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Luật kinh tế, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Luật kinh tế đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Luật kinh tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Luật Kinh tế Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập; Nhà Kinh doanh trong môi trường cạnh tranh và hội nhập; Doanh nghiệp và tài sản doanh nghiệp; Tranh chấp trong kinh doanh.

6. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức:* Môn học nhằm trang bị cho học viên chương trình đào tạo thạc sĩ kinh tế những hiểu biết về nội hàm của pháp luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường; tác động của hội nhập lên quá trình xây dựng khung pháp luật Việt Nam. Những kiến thức về quyền và nghĩa vụ của nhà kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế được quan tâm và đề cập sâu, đặc biệt trong tình hình cạnh tranh đang diễn ra gay gắt. Chương trình đào tạo luật kinh tế hướng đến giúp người học hiểu đúng và đủ những yêu cầu về mặt pháp lý để hạn chế vi phạm và không bị người khác vi phạm trong kinh doanh.

- *Về kỹ năng:* Thông qua các quy định pháp luật về việc xác lập địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, giúp học viên có thể chọn lựa hình thức tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. Đồng thời hiểu rõ các trường hợp áp dụng phá sản doanh nghiệp. Thông qua các chế định về đầu tư ở Việt Nam, giúp học viên hiểu biết và chọn lựa hình thức đầu tư hợp pháp. Hiểu biết cách thức thiết lập và thực hiện một giao dịch thương mại bằng hình thức hợp đồng, biết vận dụng các nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại tránh sai sót, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiểu rõ những yêu cầu và cách thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phù hợp với lợi ích mong muốn.

- *Về thái độ:* Giúp cho học viên có thái độ thận trọng trong kinh doanh và tuân thủ pháp luật trong kinh doanh.

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HỌC

1. Mã học phần: QTH 513

2. Tên học phần: Quản trị học

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn QTKD

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản trị học được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi, tính đặc thù của quản lý trong môi trường kinh doanh Việt Nam và những thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp phát triển những kỹ năng quản trị mới trong bối cảnh hiện nay.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản trị học là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản trị học, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Quản trị học đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Quản trị học để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Môn học được thiết kế nhằm phát triển kỹ năng quản trị. Môn học sẽ tập trung vào những kỹ năng chính: Quản trị và nhà quản trị, những thay đổi trong phong cách quản trị hiện nay, hoạch định, ra quyết định, tổ chức bộ máy doanh nghiệp, giao quyền, giải quyết vấn đề, các kỹ năng lãnh đạo và động viên hiệu quả, ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo và động viên vào thực tế quản lý kinh tế của Việt nam và các tổ chức doanh nghiệp.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Hiểu được quản trị là gì? Nhà quản trị là ai? Các nhà quản trị làm gì? Các nhà quản trị giữ vai trò như thế nào trong kết quả thực hiện mục tiêu của tổ chức. Nắm được môi trường, văn hóa ảnh hưởng thế nào đến doanh nghiệp. Hiểu và nhận diện được những quyết định quản trị khi ban hành, xác định được những cách thức ra và triển khai quyết định. Hiểu được các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra.

- *Về kỹ năng:* Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức; Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; Phát triển kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng

- *Về thái độ:* Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về hoạt động của tổ chức trong kinh doanh.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1. Mã học phần: QLNN 514

2. Tên học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, là học phần lý luận chuyên ngành có quan hệ mật thiết với các môn học khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Đây là học phần tổng quát chung về quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ đó, các học phần khác sẽ chia nhỏ thành quản lý nhà nước trong các khâu nhỏ hơn.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; Qui luật và các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế; Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Cán bộ lãnh đạo trong quản lý nhà nước về kinh tế.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị các kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế: nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế; Năm vững quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý kinh tế.

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng thuyết trình những vấn đề về quản lý kinh tế; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế.

- *Về thái độ:* Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý kinh tế.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Mã học phần: DAĐT 515

2. Tên học phần: Quản lý dự án đầu tư

3. Số tín chỉ: 3(2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý dự án đầu tư nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận về quản lý dự án đầu tư. Học phần Quản lý dự án đầu tư, luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, môn học cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý dự án đầu tư là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, là học phần trang bị cho người học tổng quan về dự án đầu tư, lập mô hình tổ chức quản lý dự án. Đồng thời cung cấp cho học viên cách lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, phương pháp phân phối các nguồn lực dự án, dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án, quản lý chất lượng dự án.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Lập kế hoạch dự án; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Phân phối các nguồn lực dự án; Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án; Quản lý chất lượng dự án; Giám sát và đánh giá dự án.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị kiến thức về lập dự án, quản lý dự án đầu tư dưới góc độ của doanh nghiệp cũng như quản lý nhà nước; hiểu được bản chất của công tác quản lý dự án cũng như vận dụng lý thuyết vào thực hành. Cụ thể: Biết và hiểu rõ các nguyên lý, khái niệm, thuật ngữ chuẩn về quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản về vòng đời dự án, các thành phần chính trong dự án, xây dựng dự án và các phương pháp quản lý dự án; Nắm được các kiến thức điển hình trong quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản để quản lý dự án dưới góc độ tư nhân cũng như quản lý nhà nước;

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng quản lý dự án thông qua ứng dụng các kiến thức được học vào lập dự án, đánh giá dự án và quản lý dự án; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và khả năng tư duy độc lập; Kỹ năng xây dựng kế hoạch cho một dự án đầu tư; Lựa chọn được mô hình tổ chức quản lý dự án phù hợp với đặc điểm của từng gói thầu; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề trong các tình huống đánh đổi mục tiêu của quản lý dự án đầu tư.

- *Về thái độ:* Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý dự án.

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Mã học phần: QTDN 516

2. Tên học phần: Quản trị doanh nghiệp

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản trị doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp, phương thức quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả quản trị doanh nghiệp và công tác lập kế hoạch trong doanh nghiệp.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, là học phần chuyên sâu của học phần Quản trị học đã học tại khối kiến thức cơ sở và nó cung cấp những kiến thức chuyên sâu về điều hành quản trị trong phạm vi doanh nghiệp.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; Giám đốc doanh nghiệp; Phân cấp và phân quyền trong quản trị doanh nghiệp; Thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp; Phương pháp quản trị doanh nghiệp; Quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Đổi mới trong quản trị doanh nghiệp.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên những kiến thức về các các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam và thủ tục, trình tự thành lập một doanh nghiệp....; Kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; Kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp và công tác kế hoạch trong doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:* Kỹ năng trình bày về doanh nghiệp, kinh doanh; Liệt kê và mô tả được các bước và trình tự tạo lập doanh nghiệp; Vận dụng được kiến thức quản trị trong thảo luận; Hiểu và giải thích được vai trò, đặc điểm, các chỉ tiêu về các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp.

- *Về thái độ:* Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về doanh nghiệp.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

1. Mã học phần: QLTC 517

2. Tên học phần: Quản lý tài chính công

3. Số tín chỉ: 3(2,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý tài chính công nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; ngoại tác; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý tài chính công là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, học phần cung cấp các nội dung cơ bản về: Huy động vốn tín dụng nhà nước; Tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; Hệ thống ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công; Quản lý các quỹ tài chính tại kho bạc nhà nước; Quản lý tài chính công theo phương đầu ra; Quản lý công sản và chính sách phát triển tài chính công Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Nội dung của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Huy động vốn tín dụng nhà nước; Tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; Hệ thống ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công; Quản lý các quỹ tài chính công tại kho bạc nhà nước; Quản lý tài chính công theo phương thức đầu ra; Quản lý công sản; Chính sách tài chính công của Việt Nam.

6. Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: Trang bị các kiến thức về chính sách tín dụng của nhà nước; Quản lý NSNN, cân đối NSNN, biện pháp xử lý thiếu hụt tạm thời và bội chi NSNN vào thực tiễn quản lý NSNN ở VN; Soạn lập ngân sách theo đầu tư; Phân tích nghiệp vụ quản lý tài chính công qua kho bạc nhà nước, quản lý công sản.

- Về kỹ năng: Phân tích hoạt động của các quỹ tài chính công (chủ yếu là NSNN), tương tác của nó đến các đối tượng khác nhau trong xã hội; Phân tích đánh giá các tác động mà một chính sách tài khóa có thể gây ra, tác động đến đời sống kinh tế xã hội; Đánh giá, phân tích và lựa chọn hay các phương án chính sách phù hợp trên phương diện mục tiêu chính sách, các hiệu ứng phụ của chính sách.

- Về thái độ: Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về tài chính công.

HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH KINH TẾ - TÀI CHÍNH

1. Mã học phần: PTKT 518

2. Tên học phần: Phân tích Kinh tế - Tài chính

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Phân tích kinh tế - tài chính giúp người quản lý nhận thức đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp/cơ quan về môi trường kinh doanh, xác định được những mặt mạnh, lợi thế cũng như những yếu kém, tụt hậu, những tiềm năng khác của doanh nghiệp/cơ quan. Qua đó đưa ra được những quyết định phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển hiệu quả của doanh nghiệp/cơ quan trong thời gian tới.

b) Vị trí của học phần

Học phần Phân tích Kinh tế - Tài chính là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, học phần Phân tích kinh tế - tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết về phân tích, đánh giá, thu nạp những thông tin về hoạt động tài chính của doanh nghiệp hàm chứa trong các báo cáo tài chính, phục vụ cho việc xử lý và ra các quyết định tài chính.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Giới thiệu các báo cáo tài chính; Phân tích tình hình và báo cáo kết quả kinh doanh; Phân tích hoạt động đầu tư; Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ; Phân tích các tỷ số tài chính.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị những vấn đề cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức đã học có thể phân tích tình hình tài chính của các loại hình DN trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng:* Sau khi kết thúc môn học, học viên có khả năng đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Học viên có đánh giá chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động.

- *Về thái độ:* Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1. Mã học phần: TCTT 519

2. Tên học phần: Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ cung cấp những kiến thức chuyên sâu quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, tín dụng, thuế, ngân sách nhà nước và thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Quản lý nhà nước về tài chính; Quản lý ngân sách nhà nước; Quản lý nhà nước về Tín dụng; Quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Sau khi kết thúc môn học, học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ như: Quản lý nhà nước về tài chính, Quản lý nhà nước về tín dụng, Quản lý thuế, Quản lý ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán.

- *Về kỹ năng:* Học viên biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ để phân tích và xây dựng chính sách và cơ chế tài chính; nâng cao khả năng dự báo, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính - tiền tệ.

- *Về thái độ:* Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ THUẾ

1. Mã học phần: QLT 520

2. Tên học phần: Quản lý thuế

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý thuế trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết về quản lý thuế tổ chức bộ máy quản lý thuế, tổ chức quy trình quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, dự toán thu thuế, kế toán thuế, thống kê thuế, tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế. Môn học cũng cung cấp cho học viên mô hình tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thu thuế Việt Nam; các quy trình quản lý thuế; các nội dung, phương pháp thanh tra, kiểm tra thuế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế; nội dung, quy trình và phương pháp lập dự toán thu thuế; nội dung và quy trình tuyên truyền, hỗ trợ thuế; nội dung công tác kế toán, thống kê thuế; nội dung công tác quản lý thuế trên máy tính.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý thuế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản lý thuế, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Quản lý thuế đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Quản lý thuế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về quản lý thuế; Thủ tục thuế; Tổ chức bộ máy thu thuế và quy trình quản lý thuế ở Việt Nam; Dự toán thu thuế; Quản lý Khai, Kế toán và thống kê thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế và tuyên truyền pháp luật thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế thuế; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế.

6. Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: Nắm được các vấn đề lý luận và các nội dung cơ bản về: quản lý thuế, tổ chức bộ máy thu thuế, quy trình quản lý thuế, dự toán thu thuế, thanh tra,

kiểm tra thuế, kế toán thuế, quản lý ấn chỉ thuế, thống kê thuế, dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế, phân tích, đánh giá các vấn đề phức tạp liên quan đến quản lý thuế.

- *Về kỹ năng*: Thực hiện các thao tác nghiệp vụ trong quy trình quản lý như thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế, quản lý ấn chỉ, lập dự toán thu thuế, thực hành quản lý thuế trên máy tính... Phối hợp công việc với người khác trong quản lý thuế, chẳng hạn như kỹ năng phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, kỹ năng phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật... Phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề về quản lý thuế.

- *Về thái độ*: Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động quản lý thuế của nhà nước.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG

1. Mã học phần: QLTSC 521

2. Tên học phần: Quản lý tài sản công

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Tài chính - Ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý tài sản công trang bị cho người học những kiến thức về quản lý tài sản công như phân loại tài sản công, phân cấp quản lý tài sản công, trách nhiệm quản lý của nhà nước ở các cấp về quản lý tài sản công, qui định về mua sắm, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức nhà nước, chính sách quản lý của nhà nước về tài sản công.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý tài sản công là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản lý tài sản công, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về Quản lý tài sản công đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về Quản lý tài sản công để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về quản lý tài sản công; Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài sản nhà nước; Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà

nước, đơn vị vũ trang nhân dân; Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính; Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Sau khi kết thúc môn học, học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý tài sản công.

- *Về kỹ năng:* Học viên biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý tài sản công để tổ chức, quản lý cũng như sử dụng hiệu quả tài sản công tại các cơ quan đơn vị theo đúng qui định.

- *Về thái độ:* Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động quản lý tài sản công của nhà nước.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Mã học phần: QLNNL 522

2. Tên học phần: Quản lý và phát triển nguồn nhân lực

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách:

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, có quan hệ tương tác với các học phần chuyên ngành Quản lý kinh tế.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về quản lý và phát triển nguồn nhân lực đã trang bị ở bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý giáo dục và phát triển nguồn nhân lực ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển...

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Quản lý giáo dục; Phát triển nguồn nhân lực; Đào tạo nguồn nhân lực; Quản lý nguồn nhân lực.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị các kiến thức về quản lý giáo dục; Quá trình quản lý giáo dục và quản lý giáo dục trong xu thế toàn cầu hóa, vai trò then chốt của phát triển nguồn nhân lực trong các tổ chức hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh và thay đổi nhanh; Nắm được những kiến thức cơ bản về phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... trong tổ chức;

- *Về kỹ năng:* Phát triển các kỹ năng phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... trong tổ chức; Phát triển khả năng làm việc theo nhóm, trình bày, tự học, tự nghiên cứu,...

- *Về thái độ:* Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động Quản lý giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ AN SINH XÃ HỘI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1. Mã học phần: QLASXH 523

2. Tên học phần: Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Môn học này trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo, làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với ngành kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững có hiệu quả.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: An sinh xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quản lý an sinh xã

hội và xóa đói giảm nghèo. Học phần cung cấp kiến thức về quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời những vấn đề về hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm An sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội, những yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống an sinh xã hội, hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam như Bảo hiểm xã hội (khái niệm bảo hiểm xã hội, nguyên tắc của bảo hiểm xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm xã hội), Trợ giúp xã hội (khái niệm trợ giúp xã hội, các chế độ trợ giúp xã hội, quỹ trợ giúp xã hội), Chính sách việc làm.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tra cứu và nghiên cứu các tư liệu về an sinh xã hội; đánh giá các đợc hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, kỹ năng hướng dẫn cho các đối tượng thực hiện chính sách an sinh xã hội.

- *Về thái độ:* Học viên có ý thức cập nhật các chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn Việt Nam và các nước trên thế giới.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Mã học phần: QLNNNT 524

2. Tên học phần: Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Môn học sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản trị lý trong môi trường nông nghiệp và nông thôn. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của nông nghiệp và nông thôn, môn học đi sâu phân tích các yếu tố của nghiên cứu mô hình nông nghiệp tại nước ta hiện nay, từ đó đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp gắn với kinh tế nông thôn.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với ngành kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao

theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững có hiệu quả.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn; Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý theo mô hình hoạt động nông nghiệp ở Việt Nam; Quản lý nông nghiệp gắn liền với phát triển nông thôn bền vững.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho người học các nguyên lý kinh tế áp dụng vào nông nghiệp và phát triển nông thôn, vận dụng các nguyên lý của kinh tế sản xuất (tổ chức các loại hình tổ chức kinh tế, tổ chức nguồn lực, các kỹ năng ra quyết định), Kinh tế marketing, Kinh tế thương mại và Kinh tế phát triển áp dụng trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- *Về kỹ năng:* Kỹ năng đánh giá kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế trong nông nghiệp, các kỹ năng mềm trong làm việc nhóm, thuyết trình, viết báo cáo, những kỹ năng cụ thể trong quản lý các mô hình hoạt động nông nghiệp. Đồng thời thông qua môn học, học viên biết vận dụng những kiến thức quản lý để giải quyết những vấn đề trong chọn lựa mô hình hoạt động nông nghiệp để gắn với phát triển nông thôn bền vững.

- *Về thái độ:* Học viên có ý thức cập nhật các chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn trong từng giai đoạn Việt Nam và các nước trên thế giới.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Mã học phần: QLNLMT 525

2. Tên học phần: Quản lý năng lượng và môi trường

3. Số tín chỉ: 2(1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Môn học sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản trị lý trong quản lý năng lượng và môi trường. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của năng lượng và môi trường, mối quan hệ giữa năng lượng và môi trường; từ đó đi sâu nghiên cứu về các loại năng lượng tái tạo và năng lượng không tái tạo. Đưa ra các hướng quản lý năng lượng và môi trường.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý năng lượng và môi trường là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với ngành kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về Quản lý môi trường, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về quản lý năng lượng và môi trường đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý năng lượng và môi trường để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững có hiệu quả.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Tổng quan về năng lượng và môi trường; Năng lượng không tái tạo; Năng lượng mới và tái tạo; Quản lý năng lượng và môi trường.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên các kiến thức về quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường. Sau khi hoàn thành môn học, học viên có thể vận dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường hiệu quả nhất dưới góc độ kinh tế - môi trường - xã hội.

- *Về kỹ năng:* Kỹ năng thao tác và phối hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích các vấn đề trong quản lý năng lượng, tài nguyên và môi trường.

- *Về thái độ:* Có năng lực tự chủ và trách nhiệm có nhận thức đúng đắn về vấn đề năng lượng, tài nguyên và môi trường trong quản lý phát triển nói chung.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Mã học phần: QLKHCN 526

2. Tên học phần: Quản lý khoa học và công nghệ

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế quản trị

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần gồm các kiến thức chuyên sâu về quản trị lý trong môi trường nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của khoa học và công nghệ, học phần phân tích các yếu tố của nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và tác động của chúng đối với hoạt động quản lý; sự chuyển giao khoa học và công nghệ tạo nên mối liên kết trong hoạt động quản lý chung.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý khoa học và công nghệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành quản trị kinh doanh, kinh tế học ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về quản lý khoa học và công nghệ, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về quản lý khoa học và công nghệ đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý khoa học và công nghệ để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững có hiệu quả.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Cơ sở quản lý khoa học và công nghệ; Môi trường khoa học và công nghệ; Đánh giá khoa học và công nghệ; Chọn lựa công nghệ; Năng lực khoa học và công nghệ; Chuyển giao khoa học và công nghệ; Đổi mới quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học công nghệ và quản lý khoa học công nghệ. Giúp người học có khả năng vận dụng trong đánh giá khoa học công nghệ, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, thực hiện việc lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ... để đạt được hiệu quả cao khi tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động quản lý vĩ mô.

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng phân tích, đánh giá khoa học công nghệ, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ; kỹ năng lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ; kỹ năng trong quản lý các hoạt động khoa học công nghệ.

- *Về thái độ:* Giúp người học yêu thích tìm hiểu các vấn đề trong hoạt động quản lý khoa học công nghệ; có tầm nhìn đúng đắn về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Mã học phần: QLTMQT 527

2. Tên học phần: Quản lý thương mại quốc tế

3. Số tín chỉ: 2(1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Khoa tài chính ngân hàng

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần gồm các kiến thức chuyên sâu về quản trị lý trong môi trường thương mại quốc tế. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của thương mại quốc tế, môn học đi sâu phân tích các yếu tố của môi trường thương mại quốc tế và tác động của chúng đối với hoạt động quản lý; phân tích các chiến lược và cơ cấu tổ chức của các mô hình thương mại quốc tế, chủ thể quan trọng nhất trong nền kinh tế hiện nay; và các phương thức thâm nhập vào thị trường quốc tế của các doanh nghiệp.

b) Vị trí của học phần

Học phần Quản lý thương mại quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành quản trị kinh doanh, kinh tế học, tài chính, kế toán ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về quản lý thương mại quốc tế, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về quản lý thương mại quốc tế đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý thương mại quốc tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội có hiệu quả.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Các phương thức thương mại quốc tế; Hợp đồng thương mại quốc tế; Vận tải và giao nhận trong thương mại quốc tế; Bảo hiểm trong thương mại quốc tế; Thanh toán trong thương mại quốc tế; Chứng từ trong thương mại quốc tế.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Học viên hiểu được nguyên nhân cơ bản phát sinh hoạt động thương mại quốc tế, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích ra sao. Bên cạnh đó, học viên nắm được môi trường hoạt động của thương mại quốc tế bao gồm những vấn đề cơ bản gì, trong đó các quốc gia vận dụng chính sách thương mại quốc tế như thế nào để mang lại lợi ích tối ưu cho nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên hiểu được các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế, từ đó tìm hiểu các định chế hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với điều kiện hội nhập khu vực và toàn cầu để vận dụng hợp lý, có hiệu quả vào thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam.

- *Về kỹ năng*: Kỹ năng phân biệt các nội dung của thương mại và thương mại quốc tế, so sánh đặc trưng của thương mại nói chung và thương mại quốc tế nói riêng; Kỹ năng phân tích các mô hình thương mại giữa các quốc gia trên thế giới, phân tích chính sách thuế quan, chính sách thương mại (cơ cấu, tác động của hàng rào phi thuế quan) của các quốc gia trên thế giới, phân tích bản chất và tác động của các liên kết kinh tế quốc tế trên thế giới.

- *Về thái độ*: Có tư duy năng động và sáng tạo, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và bản chất của môn học trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới, hình thành định hướng nghiên cứu về các lĩnh vực khác trong quan hệ thương mại và thương mại quốc tế, hỗ trợ cho các môn học khối kiến thức chuyên ngành.

HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

1. Mã học phần: TLHLĐ 528

2. Tên học phần: Tâm lý học lãnh đạo quản lý

3. Số tín chỉ: 2(1,1)

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý học

5. Mô tả học phần

a) Vai trò của học phần

Học phần Tâm lý học lãnh đạo quản lý nghiên cứu những hiện tượng, quy luật, cơ chế tâm lý của con người và nhóm người trong hoạt động quản lý như: nhu cầu, động cơ, hoạt động các phẩm chất tâm lý, nhân cách của lãnh đạo và người lao động; các hiện tượng tâm lý xã hội của tập thể... với tư cách là chủ thể và khách thể quản lý; nghiên cứu cơ sở tâm lý học của việc nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo, vấn đề tuyển chọn, đánh giá, sắp xếp, đào tạo cán bộ... ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo, quản lý các quá trình kinh tế - xã hội hiện nay.

b) Vị trí của học phần

Học phần Tâm lý học lãnh đạo quản lý là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này đã được nghiên cứu đối với các ngành quản trị kinh doanh, kinh tế học, tài chính, kế toán ở trình độ đại học, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ những vấn đề cơ bản về tâm lý học lãnh đạo quản lý, do vậy ở trình độ thạc sĩ tiếp tục được nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn. Dựa trên những kiến thức cơ bản về tâm lý học lãnh đạo quản lý đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, môn học cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về tâm lý học lãnh đạo quản lý để ứng dụng vào các lĩnh vực quản lý khác nhau.

c) Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Những vấn đề chung về tâm lý học và tâm lý học lãnh đạo, quản lý; Khái niệm quản lý và lãnh đạo; Những hiện tượng tâm lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý; Những đặc điểm tâm lý – nhân cách của người lãnh đạo quản lý; Công tác tổ chức cán bộ; Những yếu tố tâm lý trong lãnh đạo, quản lý các quá trình kinh tế - xã hội hiện nay.

6. Mục tiêu học phần

- *Về kiến thức:* Nhận thức về các quy luật và cơ chế vận hành các quy luật tâm lý, tâm lý xã hội của cá nhân và nhóm người trong môi trường hoạt động quản lý, nắm được các kiến thức về tâm lý xã hội phổ biến trong tập thể, những khía cạnh tâm lý trong công tác tổ chức, nắm được các kiến thức về hoạt động, giao tiếp, nhân cách nhà quản lý, động cơ người lao động, cơ sở tâm lý học của việc nâng cao hiệu quả quản lý.

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống của hoạt động lãnh đạo quản lý, có kỹ năng quản lý nhóm, tập thể, đánh giá, tuyển chọn, sắp xếp các thành viên trong một tổ chức. hình thành cho mình kỹ năng quản lý công việc, vận dụng các kỹ năng lãnh đạo quản lý vào thực tiễn của đơn vị doanh nghiệp.

- *Về thái độ:* Có thái độ, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, với lãnh đạo, cộng đồng trong công việc và hoạt động xã hội.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC ĐÀO TẠO**
(Ký tên, đóng dấu)